

MỤC LỤC

I. THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

II. TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - CHIẾN LƯỢC

- Tầm nhìn
- Sứ mệnh
- Chiến lược:

III. TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

3.1. Quá trình thành lập, niêm yết và cơ cấu quản lý

- Thành lập
- Niêm yết

3.2. Cơ cấu quản lý

3.3. Quá trình phát triển

3.4. Định hướng phát triển:

- Định hướng chiến lược phát triển của Công ty

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (*Thông điệp của chủ tịch Hội Đồng Quản Trị*)

V. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

5.1. Báo cáo tình hình tài chính

5.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Doanh thu, lợi nhuận 2011

5.3. Những tiến bộ đã đạt được

- Công tác tổ chức và quản lý Công ty
- Chiến lược phát triển sản phẩm và quảng bá thương hiệu
- Kế hoạch năm 2012

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN (*Đính kèm*)

6.1. Bảng chỉ số tài chính

6.2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán

6.3. Báo cáo kiểm toán

VII. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Đính kèm)

VIII. CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

8.1. Các công ty liên kết

8.2. Tình hình đầu tư vào các công ty liên kết:

8.3. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên kết

- Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng
- Công ty cổ phần cơ khí điện máy
- Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (VNPD)

IX. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

9.1. Cơ cấu tổ chức của công ty

9.2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

9.3. Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề

9.4. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

9.5. Bảo hiểm

X. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

10.1. Những thông tin liên quan đến nhân sự chủ chốt (HĐQT, Ban giám đốc, Kế toán trưởng)

- Tóm tắt lý lịch cá nhân của HĐQT, Ban giám đốc, Ban điều hành, Kế toán trưởng
- Thông tin về quyền lợi và thù lao (tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác), các khoản nợ vay công ty / cho công ty vay, chi phí chi tiết cho từng thành viên của Ban điều hành
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Ban điều hành và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.
- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu và các giao dịch khác (cho tặng, thừa kế,...) của các thành viên Ban điều hành và những người liên quan tới các đối tượng nói trên
- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch được kí kết với công ty của thành viên Ban điều hành và những người liên quan tới các đối tượng nói trên

10.2. Thông tin về hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

10.2.1. Hoạt động của HĐQT

- Các cuộc họp của HĐQT
- Kết quả hoạt động giám sát của HĐQT năm 2010

10.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát/ Kiểm soát viên: (Đính kèm báo cáo của Ban kiểm soát)

10.2.3. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

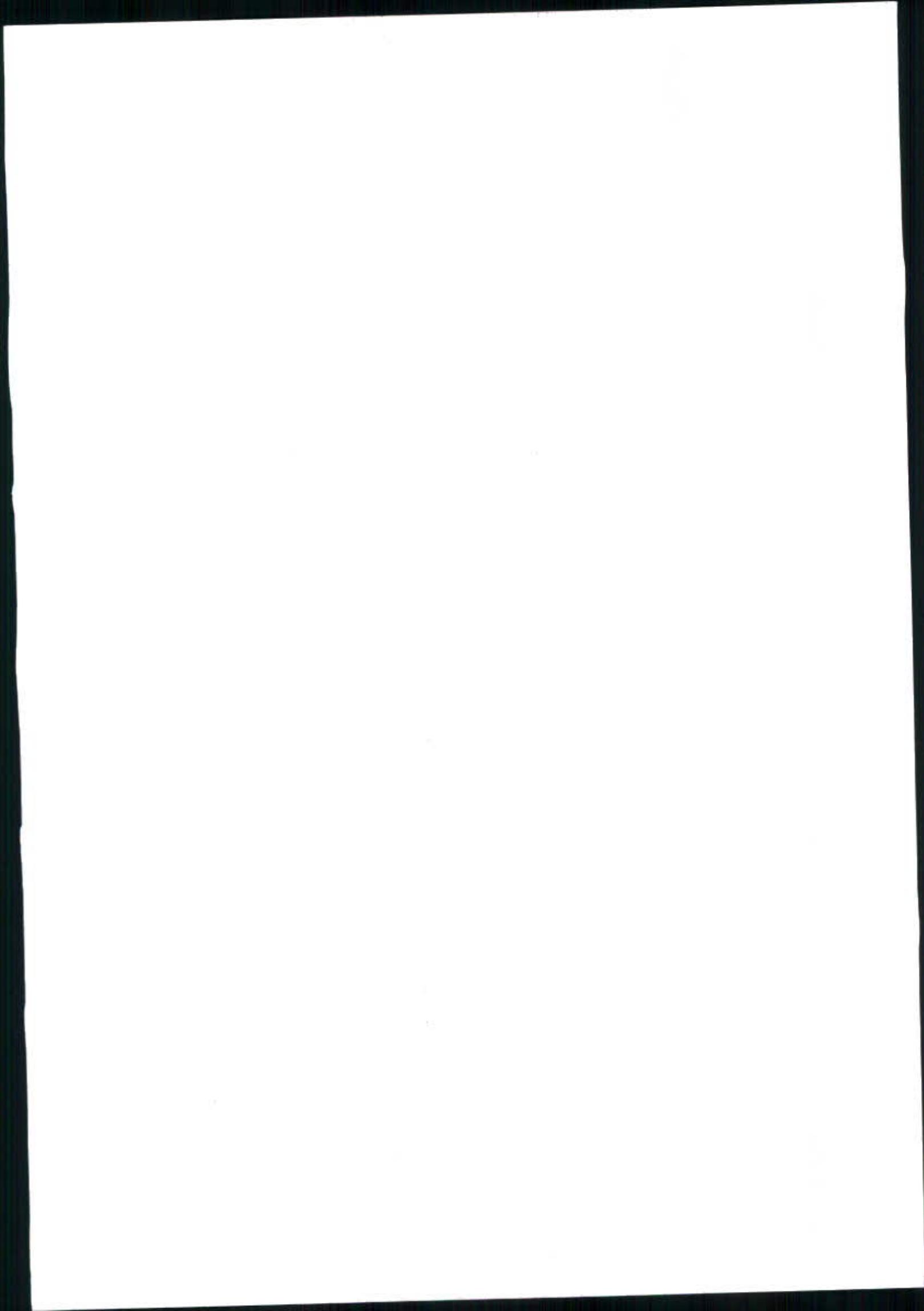
10.3. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông (trong nước, nước ngoài, Nhà nước, cổ đông sáng lập, tổ chức, cá nhân, các cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp,...)

XI. THÀNH TÍCH VÀ SỰ CÔNG NHẬN

XIII. CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

XIII. PHỤ LỤC (BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH)



I. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa Quý vị Cổ đông.

Thưa Đại diện các đối tác, khách hàng và toàn thể cán bộ công nhân viên thân mến!

HĐQT Công Ty Cổ Phần Miền Đông (MDC) xin trân trọng báo cáo với quý Cổ đông về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2011 và định hướng hoạt động trong năm 2012 như sau:

I. *Kết quả Hoạt động của HĐQT trong năm 2011:*

Năm 2011, kinh tế thế giới đang trên đà phục hồi sau khủng hoảng tài chính toàn cầu và đã có những chuyển biến tích cực. Nhưng nền kinh tế Việt Nam vẫn còn chìm trong khủng hoảng sâu rộng, thể hiện ở tình hình lạm phát, thâm hụt thương mại, lãi suất ngân hàng, và đặc biệt là số lượng doanh nghiệp thua lỗ, phá sản hoặc ngưng hoạt động không ngừng tăng.

Trước bối cảnh đó, HĐQT MDC, với vai trò trách nhiệm là đại diện cho Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ) trong công tác quản trị hoạt động SXKD của Công ty, đã chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến nền kinh tế để đặt ra những mục tiêu từng thời kỳ và đề ra những giải pháp, quyết sách phù hợp, đúng đắn, nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc đảm bảo duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh ổn định bền vững.

Trong năm 2011, HĐQT với số lượng 05 thành viên đã tổ chức 05 phiên họp, trong đó tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến định hướng phát triển của Công ty đồng thời chỉ đạo việc tháo gỡ khó khăn trong thực hiện kế hoạch SXKD và thực hiện các vấn đề khác trong nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2011. Ngoài các phiên họp chính thức, HĐQT thường xuyên hội ý để thống nhất ý kiến giải quyết các vấn đề liên quan đến quản trị doanh nghiệp, thực hiện các dự án đầu tư ...

Trong bối cảnh cực kỳ khó khăn, những cố gắng trong hoạt động quản trị doanh nghiệp của HĐQT năm 2011 đã mang lại những kết quả đáng ghi nhận. Cụ thể, duy trì sản xuất kinh doanh có lãi, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động; trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng đầy đủ, đúng hạn; tiếp tục đẩy mạnh công tác đầu tư các dự án như : Mỏ đá Tân Mỹ, Thủy điện Đa Dâng 3.

II. *Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2012:*

Bước sang năm 2012, tình hình kinh tế Việt Nam vẫn còn biến động phức tạp. Áp lực lạm phát cao cùng với những bất ổn vĩ mô trong nội tại nền kinh tế sẽ tiếp tục ảnh hưởng xấu đến kinh tế Việt Nam năm 2012. HĐQT nhận định đó vừa là thách thức, vừa là cơ hội cho sự phát triển của Công ty.

Với mục tiêu “*Ổn định SXKD có lãi, nắm bắt thời cơ để phát triển*” HĐQT đã thống nhất đưa ra một số định hướng triển khai kế hoạch SXKD năm 2012 như sau:

1. Cùng cố và phát triển ngành nghề xây lắp truyền thống: tích cực tìm kiếm công việc mà MDC có bề dày kinh nghiệm như: thi công nhà cao tầng, thủy điện, công trình công nghiệp ... bên cạnh đó mở rộng sang lĩnh vực thi công xây dựng hạ tầng (cầu, đường).
2. Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh Mỏ đá Tân Mỹ- Bình Dương, đảm bảo đón đầu thị trường vật liệu xây dựng sẽ bùng nổ sau khủng hoảng.
3. Khởi công xây dựng Nhà máy Thủy điện Đa Dâng 3 – Lâm Đồng với tổng mức đầu tư 394 tỷ đồng (trong đó 70% vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam) vào quý 4 năm 2012.
4. Tiếp tục hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án Xi măng Minh Tâm – Bình Phước, dự án Điện Gió Bình Thuận, đồng thời tìm kiếm đối tác cùng hợp tác đầu tư hoặc chuyển đổi 2 dự án này.
5. Tái cơ cấu lại hệ thống tài chính Công ty: Điều chỉnh các nguồn vốn cho phù hợp, đảm bảo tính thanh khoản cho quá trình hoạt động. Chuyển đổi hoặc chuyển nhượng một số dự án để tăng cường sức mạnh tài chính cho Công ty.
6. Có chiến lược phù hợp để đảm bảo tính thanh khoản cho Cổ phiếu MDG.
7. Tích cực chăm lo đời sống và tinh thần cho người lao động, có chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với những lao động có trình độ, tay nghề cao, đồng thời xây dựng văn hoá doanh nghiệp.
8. Theo dõi sát sao diễn biến thực tiễn của tình hình kinh tế và hoạt động SXKD, để chủ động điều chỉnh linh hoạt và kịp thời, đưa ra các giải pháp, phù hợp, đảm bảo chỉ đạo thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD năm 2012 với những chỉ tiêu như sau:

- Tổng sản lượng:	280.826 triệu đồng
- Tổng doanh thu:	250.599 triệu đồng
- Tổng nộp ngân sách:	26.577 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	8.867 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	6.650 triệu đồng
- Giá trị đầu tư:	47.000 triệu đồng

Trên đây là báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động trong năm 2011 và một số định hướng năm 2012. HĐQT rất mong được Quý Cổ đông tham gia góp ý kiến để HĐQT điều chỉnh, sửa đổi với mục tiêu Công ty phát triển ngày càng bền vững và mang lại hiệu quả tốt nhất cho Quý Cổ đông.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Văn Khóa

II. TÂM NHÌN - SỨ MỆNH - CHIẾN LƯỢC

➤ Tâm nhìn:

Phát triển MDC trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp, kinh doanh bất động sản, sản xuất vật liệu xây dựng và đầu tư sản xuất kinh doanh điện.

➤ Sứ mệnh:

- Cung cấp cho khách hàng các sản phẩm xây dựng công nghiệp – dân dụng, vật liệu xây dựng, hạ tầng đô thị và bất động sản với chất lượng tốt nhất.
- Sản xuất và góp phần ổn định nguồn điện phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội của quốc gia.
- Tạo lập một môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, là nơi đào tạo và phát huy năng lực của những tài năng trẻ có nhiệt huyết cao với công việc.

➤ Chiến lược:

Công ty đã định hướng chiến lược phát triển thông qua việc quyết định mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa ngành nghề. Văn xác định lĩnh vực xây lắp là nền tảng tạo sự phát triển ổn định đồng thời MDC mạnh dạn đầu tư sang các lĩnh vực có mức sinh lợi cao mà Công ty đang có nhiều lợi thế nhằm tiến đến mục tiêu phát triển và trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực bất động sản, sản xuất vật liệu xây dựng và đầu tư sản xuất kinh doanh điện.

III. TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

3.1. Quá trình thành lập, niềm yết và cơ cấu quản lý:

➤ Thành lập:



Công ty Cổ phần Miền Đông là doanh nghiệp được thành lập theo hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xây dựng Miền Đông) thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 325/QĐ-BXD ngày 28/02/2006 của Bộ Xây dựng. Ngày 13/4/2006, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 15 tỷ đồng. Ngày 21/09/2010, Công ty đăng ký lại giấy phép kinh doanh với vốn điều lệ mới là 99 tỷ đồng. Tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy điện Trị An, được thành lập ngày 10/01/1986, Công ty bao gồm các đơn vị thành viên trực thuộc, có tổ chức quản lý sản xuất hoàn chỉnh, có công nghệ xây dựng tiên tiến, có đầy đủ trang thiết bị thi công và không ngừng bổ sung các thiết bị hiện đại, độ chính xác cao. Ngay từ đầu thành lập, Công ty đã được giao trách nhiệm xây dựng công trình trọng điểm của Nhà nước, đó là công trình Thủy điện Trị An. Sau 7 năm hoạt động, Công ty xây dựng Thủy điện Trị An được thành lập lại và đổi tên thành Công ty xây dựng Miền Đông theo Quyết định số 073A/BXD-TCLĐ ngày 18/03/1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Sau khi chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần, MDC hoạt động tập trung vào các lĩnh vực chính: Xây lắp, đầu tư kinh doanh hạ tầng - nhà ở, sản xuất vật liệu xây dựng và SXKD điện.

➤ **Niềm yết**



Công ty cổ phần Miền Đông được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho đăng ký giao dịch tại Sở kể từ ngày 12/01/2011 với nội dung sau:

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: MDG.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng chứng khoán được đăng ký giao dịch lần đầu: 9.900.000 cổ phiếu.
- Số lượng chứng khoán lưu hành hiện tại: 10.889.031 cổ phiếu.

3.2. Cơ cấu quản lý

- Tổ chức quản lý chung:
 - a) Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Hội đồng quản trị.
 - c) Giám đốc hoặc tổng giám đốc điều hành.
 - d) Ban kiểm soát.

3.3. Quá trình phát triển:

Nhìn lại chặng đường phát triển của công ty, từ một doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty cổ phần năm 2006 với vốn điều lệ ban đầu là 15 tỷ đồng. Sau sáu năm xây dựng và phát triển đến nay, vốn điều lệ của công ty đã tăng lên thành 108,890 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu đạt 181,6 tỷ đồng. Với định hướng chiến lược đúng đắn và sự mạnh dạn của BDH, từ một nhà thầu xây lắp, MDC đã mạnh dạn chuyển hướng và mở rộng hoạt động kinh doanh sang các lĩnh vực giàu tiềm năng khác. Hoạt động đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh trong bối cảnh hiện nay là một việc làm hết sức cần thiết và đúng đắn nhằm góp phần giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tăng trưởng ổn định, tạo thế thế đứng vững vàng cho MDC trong thị trường ngày càng cạnh tranh khốc liệt. Những ngành nghề kinh doanh chủ yếu của MDC bao gồm:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, đường dây và trạm biến thế điện, công trình cấp thoát nước;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp; hệ thống điện, nước;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác khoáng sản, sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, sét, kaolin, đá, sỏi, cấu kiện bê tông, sắt, thép);
- Sản giao dịch bất động sản;
- Đầu tư sản xuất, kinh doanh : Điện (thủy điện, điện gió, nhiệt điện)

- Tư vấn giám sát thi công công trình dân dụng – công nghiệp;
- Đầu tư khai thác, sản xuất và kinh doanh xi măng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng.

3.4. Định hướng phát triển:

- Định hướng chiến lược phát triển của Công ty:

Vấn xác định lĩnh vực xây lắp là nền tảng tạo sự phát triển, ổn định đồng thời MDC mạnh dạn đầu tư sang các lĩnh vực có tương lai sinh lợi cao mà MDC đang có nhiều lợi thế nhằm tiến đến mục tiêu phát triển và trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực bất động sản, sản xuất vật liệu xây dựng và đầu tư sản xuất kinh doanh điện

- Mục tiêu phấn đấu của MDC đến 2015:

- Lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng: Cung ứng ra thị trường 1,2 triệu m³ đá xây dựng/năm; doanh thu mảng vật liệu xây dựng đạt khoảng 120 tỷ đồng.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện: sở hữu các nhà máy thủy điện (đã phát điện) với tổng công suất lắp máy đạt 30MW. Đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo là điện gió với dự án nhà máy điện gió Miền Đông giai đoạn I với công suất lắp máy 42 MW (dự kiến phát điện vào năm 2015).
- Lĩnh vực kinh doanh hạ tầng – nhà ở: đưa vào kinh doanh 4.000 m² đất chung cư; 2.700 m² đất biệt thự; 5.000 m² đất nhà liên kế tại khu đô thị khu phố 2-3 Long Bình Tân.
- Lĩnh vực xây lắp truyền thống: củng cố và phát triển uy tín nhà thầu xây dựng chuyên nghiệp với doanh thu xây lắp đạt 600 tỷ đồng/năm.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Thông điệp của chủ tịch Hội Đồng Quản Trị)

V. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY:

5.1. Báo cáo tình hình tài chính:

Bảng các chỉ số tài chính

STT	Các chỉ số tài chính	Năm		
		31/12/2011	31/12/2010	31/12/2009
1	Chỉ số về khả năng thanh toán (lần)			
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,16	1,18	1,17
1.2	Hệ số thanh toán nhanh	0,81	0,72	0,55

(TSLĐ- Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)				
2	Chỉ số về cơ cấu vốn			
2.1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,64	0,53	0,62
2.2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,78	1,16	1,65
3	Chỉ số về năng lực hoạt động			
3.1	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	1,07	2,3	1,76
3.2	Vòng quay tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	0,29	0,78	0,74
4	Chỉ số về khả năng sinh lời (%)			
4.1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROI)	3,89	9,1	9,3
4.2	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	3,14	15,3	18,3
4.3	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản (ROA)	1,13	7,1	6,9

5.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

➤ Doanh thu, lợi nhuận 2011

Doanh thu: đạt 146,479 triệu đồng

Trong đó:

- Doanh thu xây lắp: 118,888 triệu đồng
- Doanh thu SXCN-VLXD: 16,070 triệu đồng
- Doanh thu SX và KD khác: 11,521 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 6,908 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 5,696 triệu đồng

Có thể thấy rằng trong năm qua, trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế nói chung và thị trường xây dựng nói riêng, việc giữ vững và ổn định hoạt động của doanh nghiệp là hết sức khó khăn. Không chùn bước trước khó khăn thách thức, BDH đã tập trung chỉ đạo sát sao và đúng đắn thông qua việc triển khai thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, nâng cao chất lượng công trình, nâng cao hiệu quả kinh doanh, củng cố uy tín thương hiệu... Với phương châm “Chất lượng – Uy tín - Hiệu quả” thương hiệu MDC không ngừng được củng cố và phát triển. MDC ngày càng

được khách hàng tin nhiệm giao thầu nhiều công trình quy mô lớn yêu cầu trình độ quản lý và kỹ thuật công nghệ cao. Có thể nói, trong giai đoạn nền kinh tế còn nhiều khó khăn và biến động, kết quả kinh doanh trên đã thể hiện sự nỗ lực hết mình của Ban điều hành và tập thể cán bộ nhân viên của MDC – những con người giàu tâm huyết và gắn bó với MDC trong cả một chặng đường dài phát triển.

5.3. Những tiến bộ đã đạt được

➤ Công tác tổ chức và quản lý Công ty

Trong những năm vừa qua mà đặc biệt là năm 2011, Công ty tiếp tục thi công và nhận thầu nhiều công trình có qui mô lớn và yêu cầu kỹ thuật cao, các công trình mà MDC nhận thầu luôn đảm bảo yêu cầu về tiến độ và chất lượng, luôn nhận được sự hài lòng và đánh giá cao từ các chủ đầu tư. Để thực hiện thành công những công trình này, Công ty đã xây dựng phương thức tổ chức quản lý các công trình xa một cách hiệu quả, đã mang lại thành công lớn và tạo điều kiện cho việc mở rộng phạm vi hoạt động. Công ty tiếp tục hoàn thiện và nâng cao trình độ tổ chức quản lý một cách toàn diện. Bên cạnh đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực luôn nhận được sự quan tâm của BDH. Trong năm, MDC đã cử nhiều cán bộ tham gia tập huấn, đào tạo kiến thức chuyên ngành về tài chính, bất động sản, đấu thầu... để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới trong thời đại hội nhập và cạnh tranh, góp phần nâng cao uy tín và vị thế của MDC trên thị trường.

➤ Chiến lược phát triển sản phẩm và quảng bá thương hiệu

Với phương châm “Chất lượng – Uy tín – Hiệu quả” MDC không ngừng cải tiến các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu mong đợi của khách hàng. Thông qua việc cung cấp sản phẩm có chất lượng ngày càng tốt hơn cho khách hàng với quan điểm “lợi ích hài hòa”, MDC từng bước khẳng định uy tín của mình trên thị trường trong và ngoài nước với thương hiệu “MIỀN ĐÔNG”. MDC nhanh chóng tạo cho khách hàng niềm tin, thương hiệu MDC được biết đến qua những yếu tố sau:

▪ Các công trình đã thực hiện:

Những công trình nhà cao tầng đầu tiên ở Thành phố Hồ Chí Minh được MDC thực hiện rất thành công. Cho đến nay các công trình này vẫn giữ được sự bền vững và là những công trình điển hình về kiến trúc hiện đại của khu vực trung tâm thành phố. Bằng việc thi công thành công các công trình trọng điểm này, thương hiệu MDC ngày càng được biết đến như một giải pháp hoàn hảo trong việc thi công các công trình cao tầng.

Về lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện, MDC đã khẳng định được “thương hiệu” trong lĩnh vực này. Hầu hết các công trình thủy điện ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ đều do MDC thi công các hạng mục quan trọng.

▪ Văn hóa Công ty :

Được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1986, hơn 20 năm qua MDC đã

xây dựng cho mình những giá trị nhất định. Một trong những giá trị ấy là văn hóa của MDC. Lãnh đạo Công ty luôn quan niệm văn hoá Công ty là nguồn tài sản vô hình lớn nhất mà mỗi doanh nghiệp muốn phát triển và tồn tại đều phải chú tâm gây dựng, phát triển và giữ gìn. Do vậy văn hoá Công ty luôn được giữ gìn và phát triển qua các thời kỳ, tạo động lực và là nền tảng cho MDC phát triển vững chắc. Thế hệ nối tiếp thế hệ, điều đó chúng ta có thể thấy khi trong danh sách cán bộ công nhân viên với tuổi đời trải dài từ 30 đến 55 tuổi với thời gian gắn bó cùng MDC trung bình từ 8 - 15 năm chiếm 70% tổng số người lao động. Tất cả những con người này đều thấm nhuần về đạo đức nghề nghiệp, niềm tin và lòng tự hào về Công ty.

- Chính sách thị trường và khách hàng:

Bên cạnh việc đa dạng hóa ngành nghề, MDC hướng tới những khách hàng riêng biệt cho từng lĩnh vực mà Công ty đang cung cấp. Với các dự án nhà cao tầng, khách hàng MDC hướng đến vẫn là các nhà đầu tư nước ngoài. Đây là phân khúc giàu tiềm năng tuy bị cạnh tranh gay gắt bởi các Công ty xây dựng lớn trong nước cũng như những nhà thầu từ nước ngoài. Tuy nhiên, với những gì MDC đã làm được trong lĩnh vực này, Công ty tin rằng việc tìm kiếm khách hàng là không quá khó khăn. Bằng việc xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài, EVN luôn xem MDC là sự lựa chọn hàng đầu trong công tác thi công các công trình thủy điện. Thông qua vị thế của MDC tạo được từ mảng xây lắp, các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng và kinh doanh hạ tầng đã nhận được sự tin tưởng từ khách hàng. Các dự án bất động sản do Công ty làm chủ đầu tư vừa qua thực hiện rất thành công, tạo tiền đề cho công ty triển khai khu đô thị 2-3 Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, Đồng Nai. Trong tương lai gần, khi dự án này hoàn thành, khách hàng có thể tìm thấy nơi đây một không gian sống hiện đại và thân thiện, xứng đáng với tầm vóc của Đồng Nai - một trong những trung tâm công nghiệp của đất nước.

- Giá cả :

Giá cả luôn là yếu tố tạo ra sự cạnh tranh đặc biệt là khi mà việc có nhiều nhà cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Trong cơ cấu giá thành của Công ty thì nguyên vật liệu là chi phí chiếm tỷ trọng nhiều nhất, do vậy kiểm soát được chi phí này đưa ra được sản phẩm với giá thành hợp lý, chất lượng cao cho khách hàng. Điều này sẽ giúp MDC có nhiều lợi thế do nguyên vật liệu chính (bê tông, gạch, đá,...) mà Công ty sử dụng trong quá trình thi công được lấy từ các đơn vị trực thuộc của MDC nên có thể kiểm soát chi phí này từ đó có thể chào giá cạnh tranh cho khách hàng mà vẫn đảm bảo được lợi nhuận cho Công ty.

- Chính sách quảng bá thương hiệu:

Với bề dày lịch sử hình thành và phát triển, thương hiệu MDC đã được khẳng định. Thương hiệu này luôn gắn liền với những công trình và sản phẩm chất lượng cao. Những danh hiệu, bằng khen mà MDC đã đạt được trong suốt quá trình hoạt động là những minh chứng tiêu biểu về uy tín của thương hiệu MDC.

Bên cạnh đó, công ty đã và đang thực hiện chiến lược quảng bá thương hiệu

với mục tiêu đưa thương hiệu MDC sánh ngang tầm với thương hiệu của các tập đoàn cùng ngành nghề thông qua việc thuê đơn vị tư vấn chuyên nghiệp tư vấn phát triển thương hiệu, xây dựng trang web chất lượng cao, tổ chức hội nghị giới thiệu cơ hội đầu tư vào MDC, các hãng truyền thông trung ương và địa phương cũng đã thực hiện những phóng sự tài liệu về những thành tích và đóng góp của Miền Đông.

Ngoài ra, hình ảnh MDC còn biết đến thông qua việc thể trách nhiệm xã hội với mong muốn chia sẻ một phần khó khăn, bằng các hoạt động nhân đạo, tài trợ học bổng cho sinh viên nghèo vượt khó, vận động CBCNV Công ty thể hiện tinh thần tương thân tương ái, đóng góp hỗ trợ đồng bào lũ lụt, thiên tai, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, phụng dưỡng các bà mẹ Việt Nam anh hùng....

Nói chung, trong năm qua BĐH đã nỗ lực thực hiện công tác tổ chức và quản lý Công ty theo đúng các quy định pháp lý của nhà nước, điều lệ của Công ty cũng như các chính sách của Công ty về chất lượng, về trách nhiệm xã hội, chính sách đối với cổ đông, khách hàng, các đối tác và CBCNV.

➤ Kế hoạch năm 2012:

- Tổng giá trị SXKD: 280,826 triệu đồng
- GTSX xây lắp: 231,538 triệu đồng
- GTSX CN-VLXD: 39,288 triệu đồng
- GTSX và KD khác: 10,000 triệu đồng
- Tổng doanh thu: 250,599 triệu đồng
- Tổng số nợ ngân sách: 26,577 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 8,867 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 6,650 triệu đồng
- Giá trị đầu tư: 47,000 triệu đồng

Năm 2012 được dự báo sẽ là một năm đầy khó khăn cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng. Do đó, trên cơ sở xem xét thận trọng về các nguồn lực và thể mạnh của công ty, BĐH đã chủ động điều chỉnh kế hoạch năm 2012 cho phù hợp với tình hình thực tế, giúp công ty trụ vững và ổn định vượt qua thách thức của nền kinh tế hiện nay.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN (Đính kèm)

6.1. Bảng chỉ số tài chính

6.2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán

- Bảng cân đối kế toán
- Bảng kết quả kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính

6.3. Báo cáo kiểm toán

VII. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Đính kèm)

VIII. CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

8.1. Các công ty liên kết

STT	TÊN CÔNG TY	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Miền Đông Đầu tư Hạ tầng	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến thế điện đến 35KV ... Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, thiết kế nội ngoại thất công trình.	Khu phố 3, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
2	Công ty Cổ phần Miền Đông Cơ khí Điện máy	Sản xuất, gia công các cấu kiện thép, nhà tiền chế, thiết bị cơ khí ngành xây dựng. Sửa chữa các thiết bị cơ khí ngành xây dựng. Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Mua bán xe ô tô, xe cơ giới.... Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, thiết bị văn phòng.	Áp 3A, Xã Khánh Bình, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
3	Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (VNPD)	Sản xuất kinh doanh điện.	Tầng 3, CT1, Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Năng Hương, số 583 km9, Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội.

8.2. Tình hình đầu tư vào các công ty liên kết:

Đơn vị tính: triệu đồng

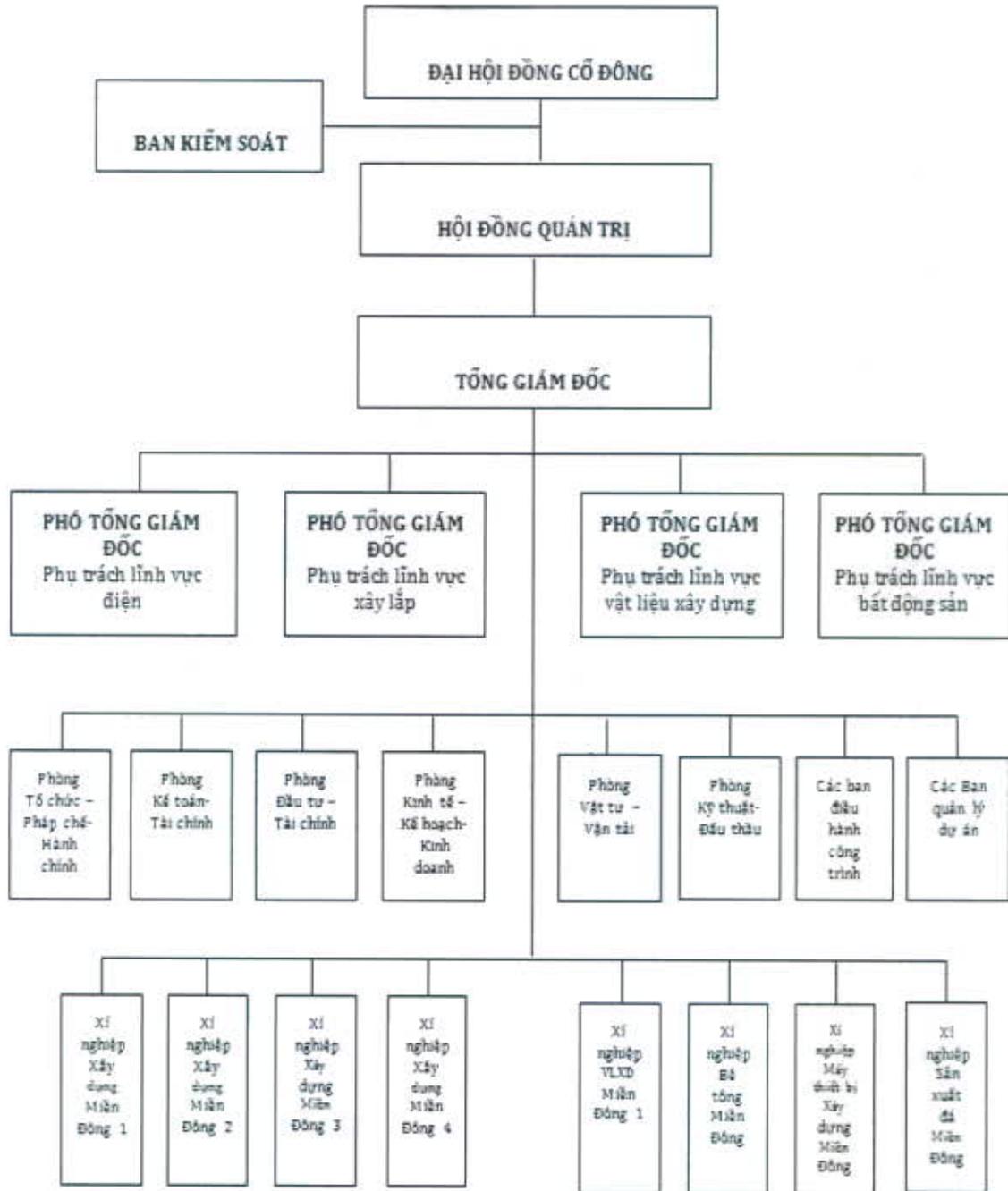
STT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ	TỶ LỆ góp vốn của MDC	Số vốn phải góp theo cam kết	Số đã góp đến 31/12/2011
1	Công ty Cổ phần Miền Đông Đầu tư Hạ tầng	15.000	40%	18.000	9.225
2	Công ty Cổ phần Miền Đông Cơ khí Điện máy	5.000	40%	2.000	2.000
3	Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (VNPD)	1.000.000	8%	80.000	45.777

8.3. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên kết

- Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng:
 - Doanh thu thực hiện: 21.754.933.062 đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế ước tính: 1.201.880.460 đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế: 899.720.731. đồng
- Công ty cổ phần cơ khí điện máy:
 - Doanh thu thực hiện: 4.979.994.056 đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế ước tính: 181.034.762 đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế: 149.353.678 đồng.
- Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (VNPD)
 - Doanh thu thực hiện: 73.184082.035 đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế ước tính: 11.195.958.481 đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế: 8.396.968.861 đồng.

IX. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

9.1. Cơ cấu tổ chức của công ty



9.2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động



Đến 31/12/2011, tổng số cán bộ công nhân viên của MDC là 598 người, trong đó:

TIÊU CHÍ	SỐ CBCVV	TỶ TRỌNG (%)
I. Phân theo trình độ		
- Đại học	85	14,21
- Cao đẳng, trung cấp	37	6,19
- Công nhân kỹ thuật	336	56,19
- Lao động sơ cấp	140	23,41
II. Phân theo công việc		
- Lao động gián tiếp	210	35,12
- Lao động trực tiếp	388	64,88

MDC rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao, có nhiệt huyết với nghề nhằm tạo ra một dàn cán bộ khung cho MDC theo từng lĩnh vực hoạt động. Tùy theo yêu cầu công việc, MDC ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể cho từng bộ phận, phòng ban. Tiêu chí tuyển dụng của MDC là tuyển dụng các nhân viên trẻ có trình độ chuyên môn cao, năng động, nhiệt tình với công việc và tốt nghiệp từ các trường đào tạo trên cả nước.

9.3. Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề:

Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng năng lực hoạt động, kỹ năng về quản lý đối với cán bộ quản lý, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công nhân, nhân viên tại công trường.

Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

Đào tạo tại chỗ: tùy thuộc vào kinh nghiệm, trình độ, năng lực của cán bộ, nhân viên Công ty sẽ được phân công công việc phù hợp từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao hơn. Những nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó trực tiếp hướng dẫn, đào tạo và phân công.

Đào tạo nâng cao: Nhằm tăng cường năng lực quản lý và chất lượng nguồn nhân lực, Công ty dự kiến từ năm 2010-2015 sẽ đào tạo từ 20-30 giám đốc điều hành, cử các cán bộ nghiệp vụ tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về : giám sát thi công, đội trưởng thi công, lao động-tiền lương, kế toán, môi giới bất động sản, định giá bất động sản... đặc biệt là đội ngũ cán bộ kỹ thuật phục vụ cho nhà máy thủy điện Đa Dâng 3 và xí nghiệp đá Miền Đông.

Đào tạo không thường xuyên: Công ty khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ, kiến thức để làm việc cho Công ty hiệu quả hơn.

Học tập kinh nghiệm, kỹ thuật thi công từ nước ngoài: Công ty thường xuyên tổ chức cho các cán bộ quản lý của Công ty đi tham quan nước ngoài, nơi đang triển khai xây dựng các công trình lớn để học tập, nâng cao kinh nghiệm và hiểu biết về các kỹ thuật mới, hiện đại trong xây dựng. Sau khi về, các cán bộ này sẽ trình bày cho các CBCNV khác nghe để toàn thể nhân viên trong Công ty nắm bắt và học tập từ những kinh nghiệm quý báu này. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

9.4. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước. Mức thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2011 là 4.375.000đồng/người/tháng.

Nhằm khuyến khích động viên mức độ đóng góp của cán bộ công nhân viên trong Công ty, góp phần tăng năng suất và chất lượng công việc, Công ty đưa ra chính

sách tính lương theo hệ số năng suất lao động (hệ số K). Ngoài ra, Công ty xét thưởng đột xuất cho các cán bộ, tập thể nhân viên có đóng góp đặc biệt cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

9.5. Bảo hiểm:

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật lao động, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà Nước về chế độ bảo hiểm và trợ cấp.

X. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

10.1. Những thông tin liên quan đến nhân sự chủ chốt (HDQT, Ban giám đốc, Kế toán trưởng)

- Tóm tắt lý lịch cá nhân của HDQT, Ban giám đốc, Ban điều hành, Kế toán trưởng:



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1 Ông Nguyễn Văn Khóa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Năm sinh	29/3/1953
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác:	
+ Từ 1975 - 1979:	Kỹ sư, Đội trưởng Thi công Công ty Xây Dựng Hải Phòng.
+ Từ 1979 - 1985	Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng Số 4 – Tổng Công ty Xây dựng số 1.
+ Từ 1985 – 1991	Phó Giám đốc Công ty Xây dựng Thủy điện Trị An – Tổng Công ty Xây dựng số 1
+ Từ 1991 – tháng 4/2006	Giám đốc công ty xây dựng miền đông – Tổng công ty xây dựng số 1
+ Từ tháng 4/2006 – đến nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Miền Đông
2 Ông Trần Mạnh Tấn	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc.
Năm sinh	24/11/1958
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	
+ Từ tháng 02/1987 - 02/1990:	Đội trưởng Đội Xây dựng Tổ máy số 1 – Công ty Xây dựng Thủy điện Trị An.
+ Từ tháng 02/1990 - 10/1991:	Phụ trách phòng Tổ chức Lao động Tiền lương - Công ty Xây dựng Thủy điện Trị An.
+ Từ tháng 11/1991 - 8/1999:	Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 1 - Công ty Xây dựng Miền Đông.

+ Từ tháng 9/1999 - 4/2006:	Phó Giám đốc Công ty Xây dựng Miền Đông.
+ Từ tháng 5/2006 - 5/2010:	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Miền Đông
+ Từ tháng 5/2010 đến nay:	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Miền Đông
3 Ông Võ Hồng Trung	Thành viên Hội đồng Quản trị
Năm sinh	10/3/1967
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác:	
+ Từ 1989 – 1997:	Nhân viên phòng Kỹ thuật – Công ty Xây dựng Miền Đông.
+ Từ 1998 – 2004:	Giám đốc Xí nghiệp Thi công Cơ giới – Công ty Xây dựng Miền Đông.
+ Từ 2005 – Tháng 04/2006:	Phó giám đốc Công ty Xây dựng Miền Đông.
+ Từ 04/2006 – 02/2011:	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Miền Đông.
+ Từ 02/2011 đến nay:	Thành viên HĐQT
4 Ông Nguyễn Lương Quân	Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc.
Năm sinh:	20/09/1957
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
+ Từ 1/1985 – 12/1986:	Nhân viên phòng Kế toán – Tổng Công ty Xây dựng Số 1
+ Từ 1/1987 – 5/1995:	Kế toán trưởng Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa Xe máy Thiết bị - Tổng Công ty Xây dựng Số 1
+ Từ 5/1995 – 12/1996:	Kế toán trưởng Xí nghiệp Xây dựng Số 2 – Công ty

	Xây dựng Miền Đông
+ Từ 12/1996 – 4/2006:	Kế toán trưởng Công ty Xây dựng Miền Đông
+ Từ 4/2006 – đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Miền Đông
5 Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị
Năm sinh:	23/04/1974
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
+ Từ 1997 – 2005:	Kế toán trưởng Công ty TNHH Hoàng Long
+ Từ 2006 – 06/2007:	Kế toán trưởng Công ty TNHH TungSinh
+ Từ 06/2007 – 05/2010:	Trưởng phòng Đầu tư – Tài chính Công ty Cổ phần Miền Đông
+ Từ 05/2010 đến nay:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Miền Đông, Trưởng phòng Đầu tư – Tài chính Công ty Cổ phần Miền Đông

BAN ĐIỀU HÀNH

1 Ông Nguyễn Văn Khóa	Tổng giám đốc
2 Ông Trần Mạnh Tần	Phó Tổng giám đốc
3 Ông Nguyễn Lương Quân	Phó Tổng giám đốc
4 Ông Nguyễn Đức Thái	Phó Tổng giám đốc
Năm sinh:	24/12/1971
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác:	
+ Từ 1995 – 1998:	Nhân viên Kỹ thuật thi công Công ty Xây dựng Miền Đông, Kỹ sư trưởng công trình xi măng Sao Mai –

	Kiên Giang
+ Từ 1998 – 1999:	Phó phụ trách phòng Kỹ thuật thi công Công ty Xây dựng Miền Đông, Phó BDH dự án thủy điện Hàm Thuận – Đami – Bình Thuận.
+ Từ 2000 – 2001:	Kỹ sư trưởng công trình lán biển Rạch Giá – Kiên Giang, Phó phụ trách phòng Kỹ thuật thi công Công ty Xây dựng Miền Đông.
+ Từ 2002 – 2005:	Trưởng phòng Kỹ thuật thi công Công ty Xây dựng Miền Đông.
+ Từ 2006 – 2007:	Trưởng phòng kỹ thuật Ban quản lý dự án Thủy điện Đakr'tih – Tổng Công ty Xây dựng số 1.
+ Từ 2008 – 03/2009:	Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đakr'tih, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Đakr'tih
+ Từ 03/2009 đến nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Miền Đông, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Đakr'tih.

BAN KIỂM SOÁT

1 Ông Huỳnh Anh Dũng	Trưởng Ban kiểm soát
Năm sinh:	05/8/1959
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ kinh tế, kỹ sư xây dựng.
Quá trình công tác:	
+ Từ 1981 – 1999:	Kế toán trưởng Công ty Xây lắp – Tổng Công ty Xây dựng số 1. - Trưởng phòng Kế toán Tài chính Tổng công ty Xây dựng số 1.
+ Từ 1999 – nay:	- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD. - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần An Thịnh. - Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Liên doanh

	Lenex. Phó Chủ tịch Công đoàn cơ quan Tổng Công ty XD số 1.
+ Từ 2000 - nay:	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Miền Đông.
2 Ông Trần Nguyên Dũng	Thành viên Ban kiểm soát
Năm sinh:	04/9/1976
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ kinh tế
Quá trình công tác:	
+ Từ 10/2001 – 05/2010:	Chuyên viên Tổ chức - Pháp chế - Hành chính Công ty Cổ phần Miền Đông
+ Từ 05/2010 đến nay:	Phó phòng Tổ chức - Pháp chế - Hành chính, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cp Miền Đông
3 Ông Nguyễn Đức Luận	Thành viên Ban kiểm soát
Năm sinh:	09/09/1974
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác:	
+ Từ 1998 – 2003:	Cán bộ phòng Kỹ thuật công ty xây dựng Miền Đông
+ Từ 2003 – 2006:	Phó phòng Kỹ thuật kiêm Trưởng Ban điều hành thi công các dự án thủy điện Buôn Kuốp & Buôn Tua Srah – Công ty xây dựng Miền Đông
+ Từ 2006 – 2008:	Trưởng phòng Kỹ thuật kiêm Trưởng Ban điều hành thi công các dự án thủy điện Buôn Kuốp & Srêpôk 3 – Công ty CP Miền Đông
+ Từ 2006 – 05/2010:	Trưởng Ban QLDA Khu đô thị Long Bình Tân – Công ty CP Miền Đông

+ Từ 05/2010 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban QLDA Khu đô thị Long Bình Tân – Công ty CP Miền Đông

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Nguyễn Thị Hoa Kế toán trưởng

Năm sinh: 16/3/1972

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

+ Từ 1998 – 5/2010: Công tác tại Công ty cổ phần Miền Đông

+ Từ 5/2010 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Miền Đông.

- Thông tin về quyền lợi và thù lao (tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác), các khoản nợ vay công ty / cho công ty vay, chi phí chi tiết cho từng thành viên của Ban điều hành: Thù lao của HĐQT và BKS năm 2011 dự kiến bằng 3% lợi nhuận sau thuế.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Ban điều hành và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP	Ngày tháng Năm sinh	Địa chỉ	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ								
1	Nguyễn Văn Khóa	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	230.869	29/3/1953	289/B2 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM	023665370	29/8/1998	TP.HC M
2	Trần Mạnh Tân	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	112.166	24/11/1958	B19/4 Khu phố 3, P. Bình Đa, Biên Hoà, Đồng Nai	271610435	10/5/2006	Đồng Nai
2.1	Nguyễn Thị Quyết	Vợ	5.218	1962	B19/4 Khu phố 3, P. Bình Đa, Biên Hoà, Đồng Nai	271610979	2007	Đồng Nai
3	Võ Hồng Trung	Thành viên HĐQT	88.000	10/3/1967	145 – D5 Văn Thánh Bắc, P.25, Q.Bình Thạnh, TP. HCM	024507000	17/02/2006	Tp.HC M
3.1	Võ Ánh Thu	Em	28.891	1978	217/1B đường Nam Hoà, P.Phước Long A Quận 9, Tp.HCM	025199022	21/9/2009	Tp.HCM
3.2	Võ Hồng Tuấn	Em	41.250	1972	A26 đường Vũ Hồng Phô, KP5 An Bình, Biên Hoà, Đồng Nai	271845253	04/11/2003	Đồng Nai

4	Nguyễn Lương Quân	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	146.217	20/9/1957	410/10 Cách Mạng Tháng Tám, P.11, Quận 3, Tp.HCM	020230221	03/10/2008	Tp.HC M
4.1	Phạm Thị Minh Tươi	Vợ	71.500	11/01/1959	725/11 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM	021504778	02/4/2008	Tp.HCM
5	Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	74.665	23/4/1974	32C 12B Hoa Lan, P.2, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM	023320049	30/3/2006	Tp.HC M

BAN KIỂM SOÁT

1	Huỳnh Anh Dũng	Trưởng Ban kiểm soát	15.469	05/8/1959	201/46/1 Nguyễn Xí, P.26, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	200604049	17/3/2005	TP.HCM
2	Trần Nguyễn Dũng	Thành viên BKS	7.013	04/9/1976	3B, Ấp 1, An Viễn, Trảng Bom, Đồng Nai	271218835	05/11/2008	Đồng Nai
3	Nguyễn Đức Luận	Thành viên BKS	24.577	09/9/1974	Lô L3-36 KDC Phú Thịnh, KP3, P. Long Bình Tân, Tp Biên Hòa, Đồng Nai	250350183	25/02/2010	Lâm Đồng

3.1	Nguyễn Ngọc Lan Anh	Vợ	21.917	26/12/1977	Lô L3-36 KDC Phú Thịnh, KP3, P. Long Bình Tân, Tp Biên Hòa, Đồng Nai	250383667	06/6/1992	Lâm Đồng
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC								
1	Nguyễn Văn Khóa	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	230.869	29/3/1953	289/B2 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM	023665370	29/8/1998	TP.HCM
2	Trần Mạnh Tân	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	112.166	24/11/1958	B19/4 Khu phố 3, P. Bình Đa, Biên Hoà, Đồng Nai	271610435	10/5/2006	Đồng Nai
2.1	Nguyễn Thị Quyết	Vợ	5.218	1962	B19/4 Khu phố 3, P. Bình Đa, Biên Hoà, Đồng Nai	271610979	2007	Đồng Nai
3	Nguyễn Lương Quân	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	146.217	20/9/1957	410/10 Cách Mạng Tháng Tám, P.11, Quận 3, Tp.HCM	020230221	03/10/2008	Tp.HCM
3.1	Phạm Thị Minh Tươi	Vợ	71.500	11/01/1959	725/11 Trường Chinh, P.	021504778	02/4/2008	Tp.HCM

					Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM			
4	Nguyễn Đức Thái	Phó Tổng giám đốc	11.000	24/12/1971	369/4 Nơ Trang Long, P.13, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM	271909101	10/08/2004	Đồng Nai
5.1	Nguyễn Thị Hòa	Vợ	34.876	29/6/1973	369/4 Nơ Trang Long, P.13, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM	272146233		Đồng Nai
KẾ TOÁN TRƯỞNG								
1	Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	8.965	16/3/1972	018 lô J chung cư Nguyễn Thiện Thuật, Phường 1, Quận 3, Tp.HCM	022771042	13/7/2007	TP.HCM

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu và các giao dịch khác (cho tặng, thừa kế,...) của các thành viên Ban điều hành và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không.
- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch được kí kết với công ty của thành viên Ban điều hành và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không.

10.2. Thông tin về hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

10.2.1. Hoạt động của HĐQT:

- Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Văn Khoá	Chủ tịch HĐQT	6	100%	
2	Ông Võ Hồng Trung	Thành viên HĐQT	6	100%	
3	Ông Nguyễn Lương Quân	Thành viên HĐQT	6	100%	
4	Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	6	100%	
5	Ông Trần Mạnh Tần	Thành viên HĐQT	6	100%	

➤ Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	54/QĐ-HĐQT	14/03/2011	- Phê duyệt khung giá đất khai thác mở rộng mỏ đá Tân Mỹ.
2	56/QĐ-HĐQT	09/04/2011	- Quyết định tăng vốn điều lệ để đầu tư dự án thủy điện Đa Dâng 3.
3	64/QĐ-HĐQT	08/08/2011	- Quyết định điều chỉnh lần 1 phương án tổng thể về bồi thường và hỗ trợ tái định cư dự án thủy điện ĐaDâng 3
4	66/QĐ-HĐQT	20/09/2011	- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư nhà máy thủy điện ĐaDâng 3
5	67/QĐ-HĐQT	17/10/2011	- Thanh lý tài sản.

➤ Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:

- Từ ngày 01/01/2010 đến 08/05/2010, thành viên Hội đồng quản trị công ty bao gồm:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Khoá	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trần Mạnh Tần	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên HĐQT
4	Ông Trần Thế Cung	Thành viên HĐQT
5	Bà Hoàng Thị Thanh Thuý	Thành viên HĐQT

- Từ ngày 08/05/2010 đến 31/12/2011, thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Khoá	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Võ Hồng Trung	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Lương Quân	Thành viên HĐQT
4	Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
5	Ông Trần Mạnh Tần	Thành viên HĐQT

- Giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan:

Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam

- Số lượng Cổ phiếu nắm giữ trước khi giao dịch: 990.897 cổ phần
- Số lượng Cổ phiếu đăng ký mua : 300.000 cổ phần
- Số lượng Cổ phiếu giao dịch thành công : 286.000 cổ phần
- Tổng số Cổ phiếu nắm giữ sau giao dịch : 1.276.897 cổ phần
(chiếm 11,73% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Miền Đông)

- Kết quả hoạt động giám sát của HĐQT năm 2011

Từ khi nền kinh tế Việt Nam chịu sự ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu cho đến nay, các khó khăn lớn vẫn còn chồng chất, cụ thể : tăng trưởng tín dụng giảm, lãi suất ngân hàng cao, chính sách quản lý tài nguyên, môi trường của Nhà nước ngày càng thắt chặt, các mặt hàng chủ yếu như sắt thép, xi măng, nhiên liệu ...biến động không ngừng. Tuy nhiên, với chiến lược nhạy bén của Hội đồng Quản trị và nỗ lực của Ban điều hành, Công ty Cổ phần Miền Đông đã hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2011 với những thành quả nhất định.

Năm 2011, Hội đồng Quản trị đã duy trì việc họp định kỳ và tổ chức nhiều Hội nghị mở rộng thực hiện lấy ý kiến của thành viên HĐQT, Ban Điều hành và các cán bộ chủ chốt Công ty về việc : xây dựng chiến lược, quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty; triển khai kế hoạch SXKD, đầu tư các dự án, thành lập mô hình tổ chức mới và đặc biệt đẩy mạnh công tác thu hồi vốn.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chỉ đạo công tác SXKD năm 2011 đã đạt được những kết quả cụ thể với các hoạt động sau:

*** Công tác xây lắp :**

Năm 2011, tiến độ thi công các công trình Thủy điện đều đạt yêu cầu của Chủ đầu tư, Miền Đông đã bàn giao phát điện 06/06 công trình : Bảo Lộc, Bắc Bình, Buôn Kuốp, Buôn Tua Sarh, Srepok3 và DăkR’Tih. Tháng 2 năm 2011 vừa qua Miền Đông đã tiến hành khởi công công trình thủy điện ĐamRi tại tỉnh Lâm Đồng. Song song với việc thi công các công trình thủy điện, Miền Đông cũng phát triển mạnh mẽ lĩnh vực thi công nhà cao tầng, trong năm 2011 Miền Đông đã được các Chủ Đầu Tư giao thi công các công trình lớn như: Chung cư Cheery, chung cư 135, trung tâm tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3, đặc biệt là công trình Trụ sở và Văn phòng cho thuê Công ty sở hữu kiến thiết Tp.HCM với giá trị hợp đồng 247 tỷ đồng. Thông qua các công trình đó Miền Đông đã khẳng định được vị thế của mình trong lĩnh vực thi công nhà cao tầng.

Tuy chịu ảnh hưởng bởi sự biến động lớn về giá cả các vật liệu, tiến độ giải ngân... nhưng đã được sự quan tâm giải quyết của Chủ đầu tư về cơ chế thanh toán, cùng sự chỉ đạo sát sao của HĐQT trong công tác thu hồi vốn, giải quyết các vướng mắc kịp thời nên kết quả thực hiện công tác xây lắp năm 2011 là khá tốt so với tình hình khó khăn của thị trường xây dựng năm qua.

*** Công tác đầu tư**

Năm 2011 được đánh giá là một năm đầy biến động và khó khăn về tình hình tài chính nói chung và công tác thu xếp vốn cho các dự án của MDC nói riêng. Trong bối cảnh đó, nhiều doanh nghiệp cùng ngành đã phải cân nhắc thu hẹp quy mô hoạt động cũng như tạm hoãn các dự án đầu tư không mang lại hiệu quả, Hội đồng quản trị công ty đã tập trung chỉ đạo công tác đầu tư có trọng điểm. Đến nay, tiến độ thực hiện các dự án đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Cụ thể như sau:

a/ Lĩnh vực khai thác tài nguyên khoáng sản

1/ Mỏ đá xây dựng Tân Mỹ

• Mô tả dự án:

Mỏ đá Tân Mỹ, xã Tân Mỹ nằm tại xã Thường Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích đất khai thác là 740.000 m². Dự án nằm ở vị trí thuận tiện cho việc vận chuyển đá bằng đường bộ và đường thủy.

• Quy mô dự án:

Dự án có công suất khai thác 1.200.000 m³ đá nguyên khối/năm, sét gạch ngói là 36.600 m³/năm và đất san lấp là 333.300 m³/năm. Thời gian khai thác của dự án là 19,5 năm.

- Hiện trạng của dự án:

Dự án đã chính thức đi vào khai thác trong tháng 8 năm 2011 và mang lại doanh thu cho công ty.

- Kế hoạch 2012: tiếp tục đền bù mở rộng mỏ; lắp đặt thêm máy móc thiết bị đảm bảo đón đầu thị trường vật liệu xây dựng sẽ bùng nổ sau khủng hoảng.

2. Dự án xi măng Minh Tâm

- Quy mô dự án:

Dự án có công suất 2.000.000 tấn xi măng/năm. Mỏ nguyên liệu gồm đá vôi, sét, laterit có thể cung cấp nguyên liệu cho nhà máy hoạt động trong 50 năm.

- Hiện trạng dự án

Dự án xi măng Minh Tâm đã được Chính phủ đưa vào quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2030. Đã cơ bản hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư.

- Kế hoạch 2012: tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý và công tác thiết kế mỏ nguyên liệu, đồng thời tích cực tìm kiếm đối tác cùng hợp tác đầu tư hoặc chuyển nhượng dự án.

3. Đầu tư sản xuất kinh doanh điện

* Các dự án do MDC làm chủ đầu tư

➤ Dự án thủy điện Đa Dâng 3

- Mô tả dự án:

Dự án thủy điện Đa Dâng 3 được xây dựng trên sông Đa Dâng cách hợp lưu giữa sông Đa Dâng và sông Đa Nhim khoảng 3600m về phía hạ lưu. Bờ trái thuộc địa phận xã Ninh Gia – huyện Đức Trọng – tỉnh Lâm Đồng, bờ phải thuộc địa phận xã Đan Phượng – huyện Lâm Hà – tỉnh Lâm Đồng. Dự án nằm cách Thị trấn Đức Trọng khoảng 17 km.

- Quy mô dự án:

Nhà máy thủy điện với 2 tổ máy có công suất là 6MW/1 tổ, công suất lắp máy toàn bộ là 12MW. Thời gian triển khai dự án: Khởi công công trình chính vào tháng 11 năm 2012, phát điện tổ máy 1 tháng 12 năm 2013.

- Hiện trạng dự án:

Các thủ tục pháp lý của dự án đã được hoàn thành. Đã tiến hành đền bù giai đoạn 1.

- Kế hoạch 2012: dự kiến sẽ ký hợp đồng vay vốn Ngân hàng phát triển Việt Nam vào quý 4/2012 và triển khai khởi công dự án tháng 11/2012.
- Dự án điện gió Bình Thuận
- Quy mô dự án: Dự án có công suất giai đoạn I là 40,5 MW. Tổng công suất toàn bộ dự án là 120 MW.
- Hiện trạng dự án:
Đã tiến hành khảo sát tiềm năng gió 3 năm; hồ sơ pháp lý của dự án cơ bản hoàn thành.
- Kế hoạch 2012: tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý và tiếp tục đo gió, đồng thời tích cực tìm kiếm đối tác cùng hợp tác đầu tư hoặc chuyển nhượng dự án hiện.

* MDC góp vốn vào dự án điện:

Góp vốn vào Công ty CP PTDL Việt Nam 46 tỷ, để triển khai 3 dự án thủy điện:

- | | |
|-----------------|-------------------------------|
| + Nậm Má 3,2 MW | : Phát điện từ năm 2005. |
| + Bắc Bình 33MW | : Phát điện năm 2009 |
| + Khe Bô 100MW | : Phát điện vào cuối năm 2012 |

b/ Lĩnh vực kinh doanh hạ tầng nhà ở:

➤ Dự án khu đô thị 2-3 Long Bình Tân

• Quy mô dự án:

Tổng diện tích đất quy hoạch 124.276 m², trong đó:

- | | |
|-----------------------------|-------------------------|
| - Đất công viên cây xanh | : 19.996 m ² |
| - Đất công trình giao thông | : 36.026 m ² |
| - Đất kinh doanh, bao gồm: | |
| ▪ Khu chung cư | : 12.728 m ² |
| ▪ Khu nhà biệt thự | : 8.693 m ² |
| ▪ Khu nhà liên kế | : 15.817 m ² |
| ▪ Khu tái định cư | : 7.470 m ² |
| ▪ Khu thương mại | : 15,166 m ² |
| ▪ Nhà trẻ | : 0.987 m ² |
| ▪ Trường học | : 7.392 m ² |

- Tiến độ và thời gian khai thác của dự án: Thời gian thực hiện dự án từ năm 2013 đến 2018.
- Hiện trạng của dự án:

Các thủ tục pháp lý của dự án đang được hoàn tất.. Dự án được dự kiến khởi công vào năm 2013 và hoàn thành vào năm 2018.

*** Những tồn tại cần khắc phục**

Đối chiếu kết quả đạt được, các Nghị quyết đã ban hành và cam kết của Hội đồng Quản trị trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Công ty năm 2011, mặc dù do những điều kiện khách quan, bất khả kháng, nhưng HĐQT cũng phải nghiêm túc nhìn nhận rằng còn một số tồn tại cần khắc phục :

- HĐQT chưa thực sự quyết liệt trong công tác tìm kiếm công việc mới cũng như đổi mới công nghệ để tăng sức cạnh tranh.
- HĐQT chưa có chính sách đãi ngộ thoả đáng những lao động trình độ cao để nâng cao hiệu quả làm việc. Bên cạnh đó bộ máy quản lý, các cán bộ - nhân viên phòng ban chưa phát huy hết năng lực làm việc, dẫn đến việc kéo dài thời gian thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.

*** Phương hướng hoạt động năm 2012**

Hiện nay, Công tác xây lắp của công ty khá ổn định, ngoài 01 công trình thủy điện đang tiếp tục thi công, công ty đang là nhà thầu thi công của 04 dự án nhà cao tầng. Trong năm 2012, công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm sẽ được đặc biệt quan tâm. Tiếp tục tập trung vào lĩnh vực thi công các công trình xây lắp công nghiệp và nhà cao tầng mà công ty đã có bề dày kinh nghiệm, bên cạnh đó mở rộng thêm sang lĩnh vực thi công hạ tầng.

Công tác đầu tư năm 2012 sẽ được triển khai có trọng tâm. Tập trung chủ yếu vào việc hoàn tất công tác đầu tư Mỏ đá Tân Mỹ theo đúng thiết kế và khởi công xây dựng Nhà máy thủy điện Đa Dâng 3. Dự án khu phố 2&3 Long Bình Tân tiếp tục hoàn tất các thủ tục chuẩn bị đầu tư, chờ cơ hội đầu tư vào năm 2013. Các dự án khác chủ yếu hoàn thành các thủ tục pháp lý chuẩn bị đầu tư và tìm kiếm đối tác cùng hợp tác đầu tư hoặc chuyển nhượng dự án.

Ngoài việc đẩy mạnh công tác SXKD, đầu tư đạt hiệu quả, cần phải tiếp tục xây dựng và phát triển thương hiệu “MIỀN ĐÔNG”. Đặc biệt là công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán nhằm quảng bá thương hiệu cổ phiếu MDG đến nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước.

10.2.1. Hoạt động của Ban kiểm soát/ Kiểm soát viên: (Đính kèm báo cáo của Ban kiểm soát)

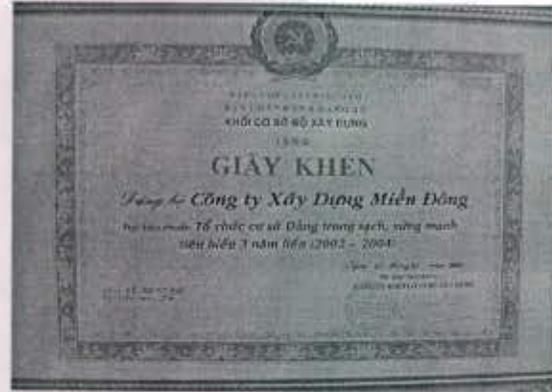
10.2.3. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 01 thành viên.

10.3. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông (trong nước, nước ngoài, Nhà nước, cổ đông sáng lập, tổ chức, cá nhân, các cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp,...)
- Cơ cấu cổ đông MDC tại thời điểm 31/12/2011:
 - Vốn nhà nước: 19,33%
 - Vốn của cổ đông nội bộ: 6,2%
 - Vốn của cá nhân trong nước: 56,1%
 - Vốn của tổ chức trong nước: 18,4%
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 10.889.031 cổ phiếu thường.
- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần.

Stt	Họ tên	Địa chỉ	Số lượng cp sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Biến động về tỷ lệ sở hữu
1	Tổng công ty xây dựng số 1-TNHH MTV	111 Pasteur (tầng 8,9), P. Bến Nghé, Q1, Tp. HCM	2.104.843	19,33%	Không có biến động.
2	Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam	210 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	1.276.897	11,73%	
Tổng cộng			3.381.740	31,06%	

XI. THÀNH TÍCH VÀ SỰ CÔNG NHẬN





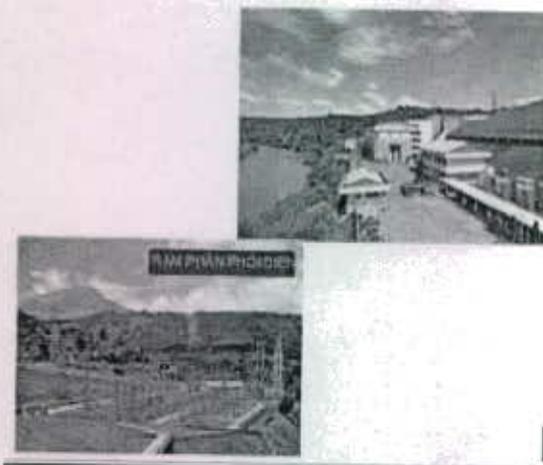
XIII. MỘT SỐ HÌNH ẢNH CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

1. LĨNH VỰC XÂY LẬP

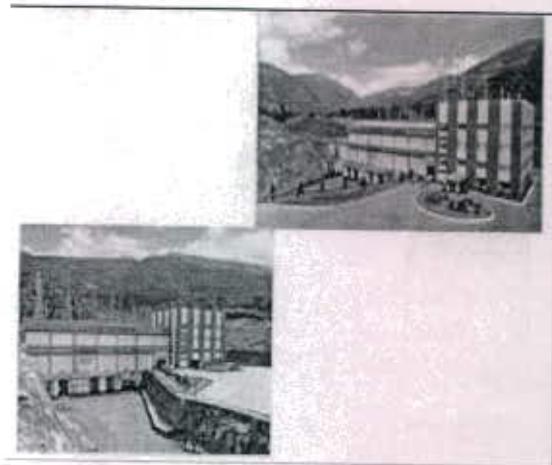
➤ Xây dựng các nhà máy thủy điện



Thủy điện Trị An



Thủy điện Thác Mơ



Thủy điện Hàm Thuận



Thủy điện Srê Pok 3



Thủy điện Buôn Tua Srah



Thủy điện Buôn Kuốp

➤ **Xây dựng nhà cao tầng**



Khách sạn Harbour View



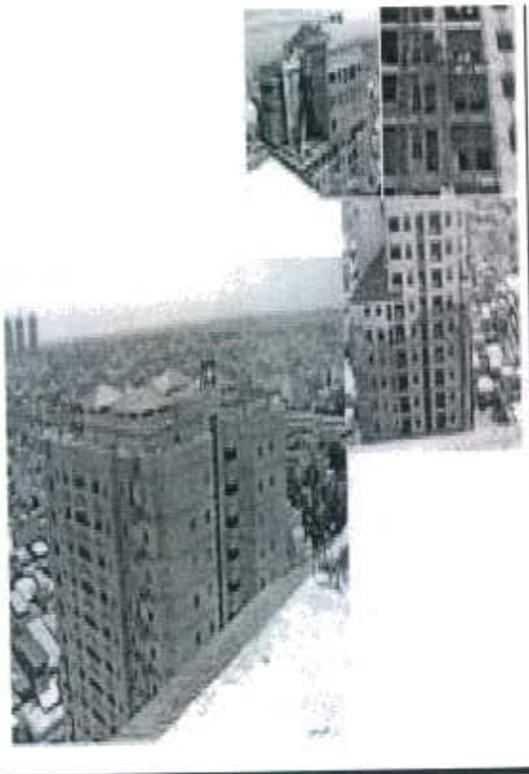
Sunwah Tower



Chung cư Miếu Nổi 18 tầng



Chung cư Trịnh Thái Bình



Chung cư Lạc Long Quân



Chung cư Phú Thọ

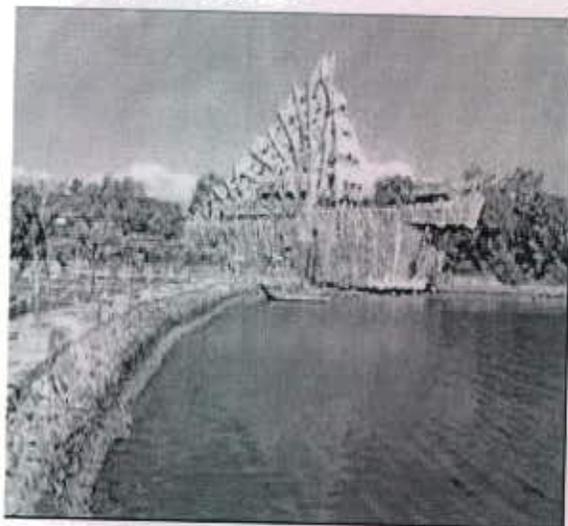


Khách sạn Sài Gòn - Nha Trang

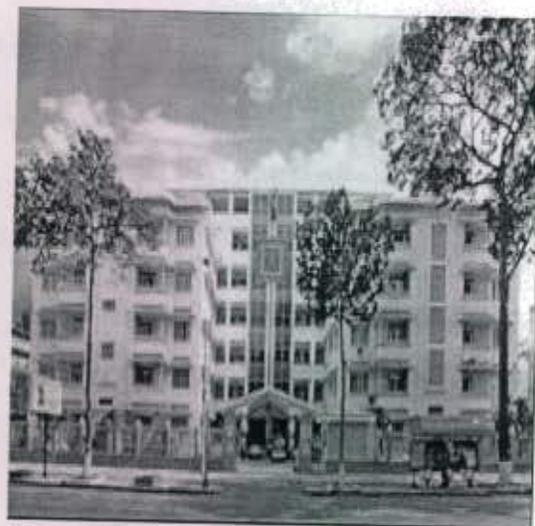


Thương xá Tax

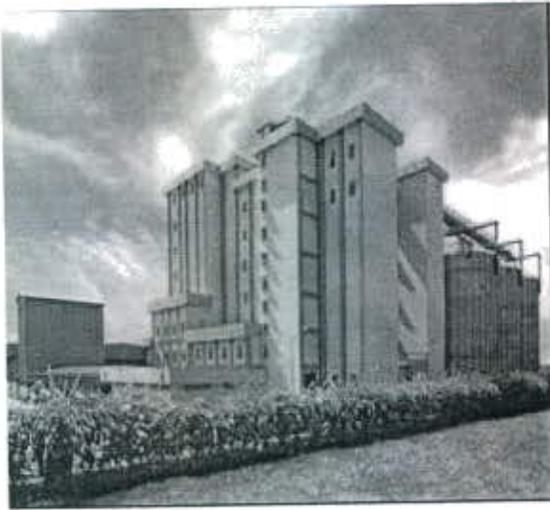
➤ **Xây dựng các công trình khác**



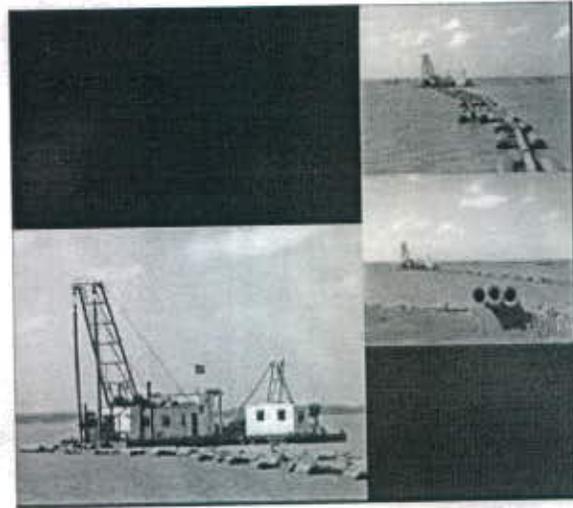
Hồ cá Trí Nguyên



Bệnh viện Răng Hàm Mặt



Nhà máy bột mì Việt Nam

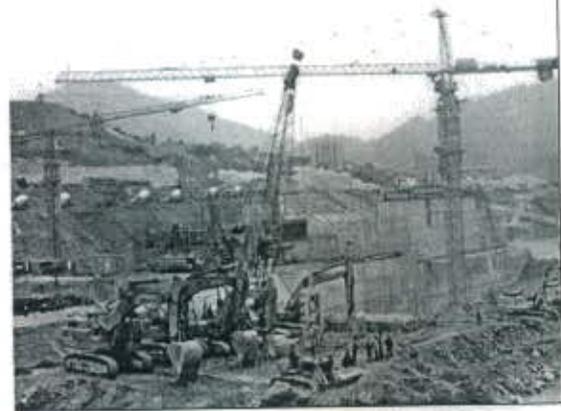


Công trình lấn biển Kiên Giang

1. LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH ĐIỆN

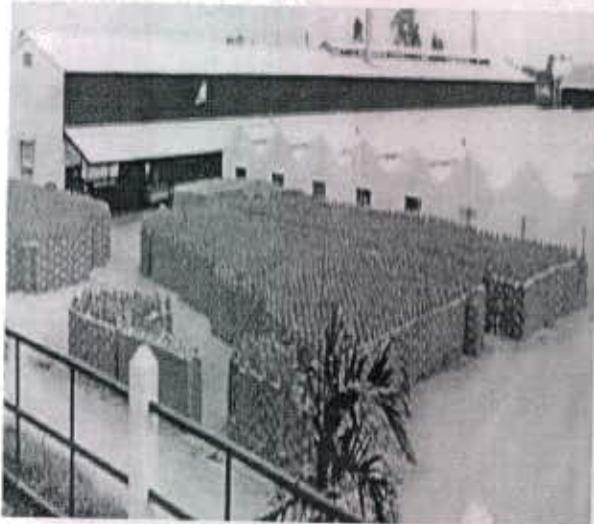


Thủy điện Bắc Bình



Thủy điện Khe Bô

2. LĨNH VỰC SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG



Nhà máy gạch Tuynel



Mỏ đá xây dựng Tân Mỹ

3. LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN

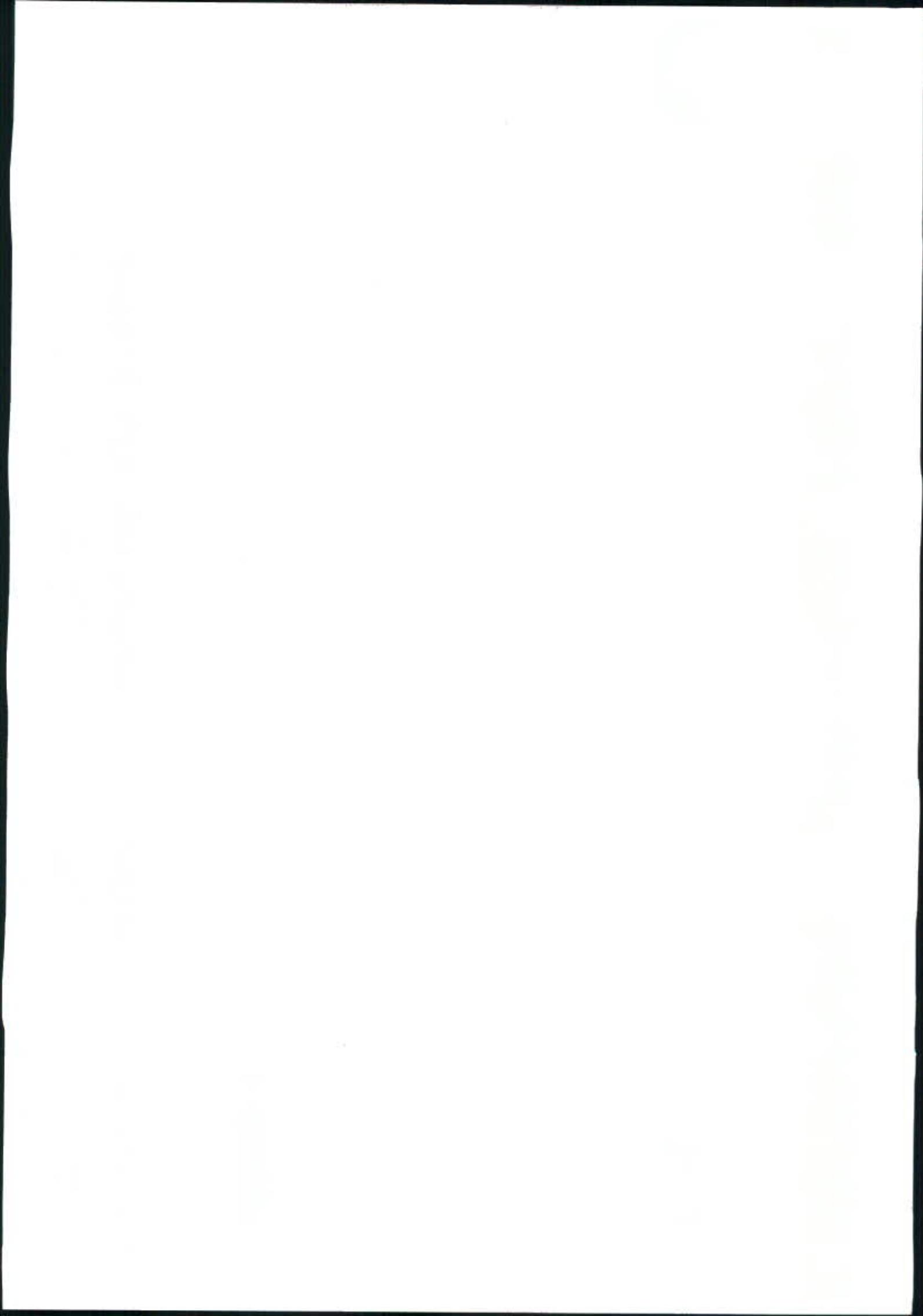


Khu dân cư Long Bình Tân



Chung cư KDC Long Bình Tân

XIII. PHỤ LỤC (BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH)



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG**

Kính thưa : Quý cổ đông, thưa toàn thể Đại hội.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát được quy định trong luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức hoạt động Công ty CP Miền Đông;
- Căn cứ vào các quy định luật kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành;
- Căn cứ vào kết quả độc lập báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN);

Hôm nay ngày 7 tháng 05 năm 2012, Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Miền Đông gồm có :

- | | |
|------------------------|------------|
| - Ông Huỳnh Anh Dũng | Trưởng ban |
| - Ông Nguyễn Đức Luận | Thành viên |
| - Ông Trần Nguyên Dũng | Thành viên |

Trong năm tài chính 2011, thực thi trách nhiệm và quyền hạn theo Điều lệ công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ được giao và báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả như sau:

A- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2011:

1/ Thực hiện chức năng giám sát:

Trong năm 2011, Ban kiểm soát đã thực hiện triển khai các nội dung:

- Thẩm định báo cáo tài chính, Kết quả kinh doanh, Phân tích đánh giá tình hình tài chính, khả năng bảo tồn và phát triển vốn.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất, công tác kinh doanh, đầu tư của công ty.
- Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011; Giám sát việc tuân thủ Điều lệ công ty, Pháp luật Nhà nước và Quy chế nội bộ công ty.
- Cùng với HĐQT, ban TGD quản lý VCSH, quản lý phần vốn của công ty với mục đích bảo toàn và phát triển vốn.

2/ Tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh:

Ban kiểm soát đã giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, thẩm định báo cáo kết quả hoạt động sxkd năm 2011 của Công ty và tổng nhất đánh giá như sau :

S T T	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011			Tỷ lệ thực hiện 2011 so với 2010 (%)	Kế hoạch 2012
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với kế hoạch (%)		
1	Doanh thu	317.422	315.216	146.479	46,47	46,14	250.599
2	Lợi nhuận trước thuế	33.383	26.831	6.908	25,75	20,69	6.067
3	Lợi nhuận sau thuế	28.757	23.385	5.696	24,36	19,80	4.550
4	Nộp ngân sách	36.761	34.968	15.797	45,18	42,97	26.577
5	Vốn chủ sở hữu	187.578		181.561			

Năm 2011, hoạt động kinh doanh công ty gặp nhiều khó khăn do biến động bất thường của thị trường tài chính và sự suy thoái của nền kinh tế.

- Việc thu hồi nợ tồn đọng của công ty, đặc biệt là trong lĩnh vực xây lắp gặp nhiều khó khăn do hầu hết các chủ đầu tư đều chậm thanh toán.
- Giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao làm tăng chi phí sản xuất.
- Thị trường xây dựng và bất động sản đóng băng đã ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thụ các sản phẩm của công ty trong lĩnh vực VLXD như gạch, đá .
- Do lãi suất cao và khó tiếp cận được nguồn vốn vay gây khó khăn cho việc vay vốn triển khai các dự án đầu tư của công ty.

Tuy nhiên với sự chỉ đạo của HĐQT và sự nỗ lực của Ban Điều hành nên hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2011 vẫn có lãi.

3/ Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2011:

Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN), Ban kiểm soát đã thẩm định và nhất trí báo cáo đại hội cổ đông như sau:

- Việc ghi chép và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính của công ty là trung thực và tuân thủ các quy định về kế toán tài chính của Nhà nước.
- Báo cáo tài chính năm 2011 đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của công ty.
- Thống nhất báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

B- Kết quả giám sát đối với HĐQT và Ban Điều hành:

Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động quản lý điều hành Công ty của HĐQT, ban TGD và bộ máy quản lý điều hành Công ty trong năm 2011 đã tuân thủ điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Công tác quản lý điều hành của Ban TGD đã có nhiều cố gắng, năng động để vượt qua khó khăn, kinh doanh hiệu quả.

C- Kết luận và kiến nghị:

Năm 2011 là năm đặc biệt khó khăn. Thế nhưng, nhờ sự chỉ đạo của HĐQT và sự nỗ lực của Ban Điều hành nên hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2011 vẫn mang lại hiệu quả. Đảm bảo ổn định công ăn việc làm và có lợi nhuận để chia cổ tức như Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011, Báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 của công ty trình đại hội.

Năm 2012 tiếp tục sẽ là năm khó khăn cho nền kinh tế Việt nam và công ty. Vì vậy, Ban kiểm soát kiến nghị HĐQT và Ban Điều hành:

- Tiếp tục hoàn thiện công tác đổi mới, tái cấu trúc doanh nghiệp cho phù hợp với sản xuất trong thời gian tới. Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị, đặc biệt hoạt động kinh doanh kèm hiệu quả của Nhà máy gạch và có biện pháp tổ chức sắp xếp, chấn chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của toàn Công ty.
- Thực hiện triệt để các giải pháp tiết giảm chi phí sản xuất, chi phí quản lý, hạ giá thành.

- Điều chỉnh kịp thời kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư để phù hợp với nguồn tài trợ và khả năng thu hồi nợ.
- Đặc biệt, có các giải pháp quyết liệt và thích hợp trong công tác thu hồi nợ đọng của Chủ đầu tư.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2012.

Trân trọng kính chào.

THAY MẶT BAN KIỂM SÓAT

Trưởng ban



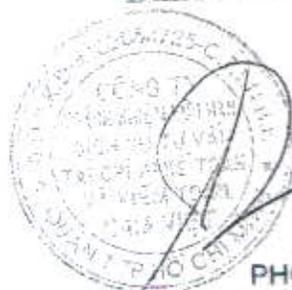
Huỳnh Anh Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG

Báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 18 Tháng 11 Năm 2012



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Tiến

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Tel: (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 30

S. B.
TR.
D.
T. A.
/

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Miền Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Khái quát

Công ty Cổ phần Miền Đông được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Xây dựng Miền Đông – là thành viên thuộc Tổng công ty xây dựng số 1 – Bộ xây dựng, thành lập theo Quyết định số 325/QĐ-BXD ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600256545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 05 ngày 18 tháng 05 năm 2011.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói, sét, kaolin, đá, sỏi, cấu kiện bê tông, kim khí, sắt, thép);
- Sản giao dịch bất động sản thực hiện các dịch vụ sau: mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê mua bất động sản, tư vấn quảng cáo, đấu giá, quản lý bất động sản;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật tư, thiết bị;
- Đầu tư khai thác, sản xuất xi măng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình công nghiệp, công trình hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Bốc xếp hàng hóa cảng sông, đường bộ;
- Dịch vụ cân ô tô;
- Đại lý;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình đường dây và trạm biến thế điện;
- Xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, hệ thống điện, nước. Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà, văn phòng, mặt bằng;
- Khai thác khoáng sản;
- Bán buôn vật tư, thiết bị;
- Bán buôn vật liệu xây dựng, xi măng;
- Đầu tư sản xuất kinh doanh Nước;
- Đầu tư sản xuất: kinh doanh Điện (thủy điện, điện gió, nhiệt điện);
- Tư vấn, giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.

Công ty có trụ sở tại khu công nghiệp Biên Hòa I, đường số 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khóa	Chủ tịch
Ông Trần Mạnh Tân	Thành viên
Ông Nguyễn Lương Quân	Thành viên
Ông Võ Hồng Trung	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khóa	Tổng giám đốc
Ông Trần Mạnh Tân	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Lương Quân	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thái	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Anh Dũng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đức Luận	Thành viên
Ông Trần Nguyên Dũng	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Số/... 301... 10/... 10/... 10/...

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Khóa
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 02 năm 2012



Số : 100 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Miền Đông

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Miền Đông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Miền Đông được lập ngày 22/02/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Miền Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)

P. Giám đốc

Cao Thị Hồng Nga
Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Minh Tiến
Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		318.855.380.668	249.695.638.166
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		68.125.282.747	30.971.910.286
1. Tiền	111	V.1	68.125.282.747	30.971.910.286
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		146.294.323.522	112.539.066.130
1. Phải thu của khách hàng	131		130.156.587.418	102.095.754.253
2. Trả trước cho người bán	132		9.785.306.881	10.452.417.219
3. Các khoản phải thu khác	135		7.059.786.001	1.127.553.876
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(707.356.778)	(1.136.659.218)
III. Hàng tồn kho	140		95.710.135.805	97.927.455.537
1. Hàng tồn kho	140	V.2	95.710.135.805	97.927.455.537
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.3	8.725.638.594	8.257.206.213
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		157.205.324	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.568.433.270	8.257.206.213
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		185.748.722.945	154.693.062.813
I. Tài sản cố định	220		123.129.673.793	84.259.941.534
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	13.082.207.737	16.266.993.273
- Nguyên giá	222		46.445.224.731	47.060.311.082
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.363.016.994)	(30.793.317.809)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	2.596.240.444	2.468.801.860
- Nguyên giá	228		4.768.087.786	4.518.087.786
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.171.847.342)	(2.049.285.926)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	107.451.225.612	65.524.146.401
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		57.001.230.000	63.492.062.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.7	11.475.000.000	11.475.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8	45.776.230.000	52.267.062.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.7	(250.000.000)	(250.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		5.617.819.152	6.941.059.279
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	5.027.997.509	6.469.892.269
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		408.117.643	471.167.010
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	181.704.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		504.604.103.613	404.388.700.979

TRÁI
 ĐII
 TÀI
 V
 MIỀN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		323.043.030.556	216.811.090.024
I. Nợ ngắn hạn	310		275.144.875.848	212.010.896.552
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	84.795.105.439	104.377.924.860
2. Phải trả cho người bán	312		56.989.696.463	61.658.554.513
3. Người mua trả tiền trước	313		96.244.402.165	16.030.613.172
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	18.211.652.418	18.268.291.837
5. Phải trả người lao động	315		2.998.539.115	5.208.530.645
6. Chi phí phải trả	316	V.13	144.909.091	439.797.500
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	13.905.993.575	4.732.241.812
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.854.577.582	1.294.942.213
II. Nợ dài hạn	330		47.898.154.708	4.800.193.472
1. Phải trả dài hạn	333		1.547.547.200	2.944.792.200
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	46.312.555.608	1.800.000.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		38.051.900	55.401.272
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		181.561.073.057	187.577.610.955
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	181.561.073.057	187.577.610.955
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		108.890.310.000	99.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		41.757.121.909	40.874.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.093.837.471	13.068.586.562
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.506.914.451	2.260.826.283
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.312.889.226	32.374.198.110
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		504.604.103.613	404.388.700.979

Người lập biểu



Mai Xuân Ngợi

Ngày 22 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc



Nguyễn Văn Khóa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	146.591.496.052	317.422.106.436
2. Các khoản giảm trừ	03		112.580.446	21.532.982
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		146.478.915.606	317.400.573.454
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	104.003.105.441	256.067.035.089
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.475.810.165	61.333.538.365
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.399.563.492	2.291.650.890
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20.884.550.218	13.978.027.360
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.879.738.088	13.978.027.360
8. Chi phí bán hàng	24		883.491.460	787.074.120
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.342.781.837	14.380.130.813
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.764.550.142	34.479.956.962
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.131.350.044	1.646.822.845
12. Chi phí khác	32	VI.6	987.561.199	2.288.466.897
13. Lợi nhuận khác	40		143.788.845	(641.644.052)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.908.338.987	33.838.312.910
15. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.149.196.659	5.342.649.758
16. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		63.049.367	(261.738.694)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.696.092.961	28.757.401.846
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	535	2.905

Người lập báo cáo

Mai Xuân Ngợi

Ngày 22 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Khóa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.908.338.987	33.838.312.910
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		3.410.975.589	3.829.123.300
- Các khoản dự phòng	03		(429.302.440)	589.907.544
- Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	05		1.434.840.600	(2.504.390.607)
- Chi phí lãi vay	06		17.879.738.088	13.978.027.360
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29.204.590.824	49.730.980.507
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(33.637.182.009)	(46.268.111.559)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10		2.217.319.732	31.585.722.815
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11		73.290.894.790	(22.418.644.081)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12		1.284.689.436	(1.843.641.866)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(23.054.717.365)	(13.551.761.874)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.386.716.720)	(3.199.285.199)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.676.032.600)	(1.400.094.467)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.242.846.088	(7.364.835.723)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(35.991.633.123)	(23.066.070.431)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		129.090.908	581.818.182
3. Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.000.000
4. Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25		(10.392.663.000)	(7.020.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		13.920.000.000	10.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.399.563.492	1.116.650.890
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.935.641.723)	(28.367.601.359)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		10.773.431.909	24.750.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		229.570.314.047	201.911.722.172
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(204.640.577.860)	(192.229.973.312)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.857.000.000)	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		22.846.168.096	34.431.748.860
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)	50		37.153.372.461	(1.300.688.222)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		30.971.910.286	32.272.598.508
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	68.125.282.747	30.971.910.286

Người lập biểu

Mai Xuân Ngợi

Ngày 22 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc



Nguyễn Văn Khóa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Miền Đông được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Xây dựng Miền Đông – là thành viên thuộc Tổng công ty xây dựng số 1 – Bộ xây dựng, thành lập theo Quyết định số 325/QĐ-BXD ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600256545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 05 ngày 18 tháng 05 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, xây dựng và kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh : Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói, sét, kaolin, đá, sỏi, cấu kiện bê tông, kim khí, sắt, thép);
- Sản giao dịch bất động sản thực hiện các dịch vụ sau: mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê mua bất động sản, tư vấn quảng cáo, đấu giá, quản lý bất động sản;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật tư, thiết bị;
- Đầu tư khai thác, sản xuất xi măng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình công nghiệp, công trình hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Bốc xếp hàng hóa cảng sông, đường bộ;
- Dịch vụ cân ô tô; Đại lý;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình đường dây và trạm biến thế điện;
- Xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, hệ thống điện, nước. Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà văn phòng, mặt bằng;
- Khai thác khoáng sản;
- Bán buôn vật tư, thiết bị;
- Bán buôn vật liệu xây dựng, xi măng;
- Đầu tư sản xuất kinh doanh Nước;
- Đầu tư sản xuất kinh doanh Điện (thủy điện, điện gió, nhiệt điện);
- Tư vấn, giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.

TRÀ ĐÌNH AN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở

địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Công cụ dụng cụ quản lý, tài sản khác	3 - 7 năm
Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng nhà máy gạch	20 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

4. Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị quyền sử dụng đất không được khấu hao do quyền sử dụng đất không xác định được thời hạn sử dụng.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển cho người mua.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán bằng cách so sánh tỷ lệ của chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ phi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
Chi phí cho vay và đi vay vốn;
Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

13. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt tại quỹ	2.737.855.133	2.171.086.651
Tiền gửi ngân hàng	65.387.427.614	28.800.823.635
Cộng	68.125.282.747	30.971.910.286

2. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nguyên vật liệu	4.721.300.307	7.246.632.836
Công cụ dụng cụ	56.377.500	117.860.246
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	88.542.676.840	89.643.512.685
<i>Các dự án phát triển khu đô thị và căn hộ</i>	<i>10.740.780.925</i>	<i>14.509.734.986</i>
<i>Các công trình xây lắp và khác</i>	<i>77.801.895.915</i>	<i>75.133.777.699</i>
Thành phẩm	2.033.162.107	495.297.521
Hàng gửi đi bán	356.619.051	424.152.249
Cộng	95.710.135.805	97.927.455.537

3. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	157.205.324	-
Tạm ứng	8.568.433.270	8.257.206.213
Cộng	8.725.638.594	8.257.206.213

TR
Đ
T
V
N
TR
Đ
T
V
N

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.300.772.409	19.448.310.384	13.544.635.394	2.766.592.895	47.060.311.082
Mua mới	-	29.080.000	14.865.909	59.682.728	103.628.637
Thanh lý, nhượng bán	-	(702.825.388)	-	(15.889.600)	(718.714.988)
Số dư cuối năm	11.300.772.409	18.774.564.996	13.559.501.303	2.810.386.023	46.445.224.731
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.876.962.381	16.597.237.508	6.530.641.426	1.788.476.494	30.793.317.809
Khấu hao trong năm	853.533.900	775.003.575	1.230.502.756	429.373.942	3.288.414.173
Thanh lý, nhượng bán	-	(702.825.388)	-	(15.889.600)	(718.714.988)
Số dư cuối năm	6.730.496.281	16.669.415.695	7.761.144.182	2.201.960.836	33.363.016.994
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	5.423.810.028	2.851.072.876	7.013.993.968	978.116.401	16.266.993.273
Tại ngày cuối năm	4.570.276.128	2.105.149.301	5.798.357.121	608.425.187	13.082.207.737

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG
KCN Biên Hòa 1, đường số 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình	Đơn vị: VND			
	Chi phí đến bù san lấp	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.739.809.886	608.300.000	169.977.900	4.518.087.786
Mua trong năm	-	-	250.000.000	250.000.000
Số dư cuối năm	3.739.809.886	608.300.000	419.977.900	4.768.087.786
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.903.220.188	-	146.065.738	2.049.285.926
Khấu hao trong năm	74.796.192	-	47.765.224	122.561.416
Số dư cuối năm	1.978.016.380	-	193.830.962	2.171.847.342
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.836.589.698	608.300.000	23.912.162	2.468.801.860
Tại ngày cuối năm	1.761.793.506	608.300.000	226.146.938	2.596.240.444

03/03/2012
 T.Đ.Đ. / 25/1
 K.Đ.Đ. / 25/1
 K.Đ.Đ. / 25/1
 K.Đ.Đ. / 25/1
 K.Đ.Đ. / 25/1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Dự án Điện gió	683.463.712	659.875.531
Dự án mỏ đá Tân Mỹ	86.086.815.067	47.533.229.945
Dự án nhà máy xi măng Minh Tâm	17.447.795.122	15.371.203.788
Thủy điện Đa Dăng	3.233.151.711	1.959.837.137
Cộng	107.451.225.612	65.524.146.401

7. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư vào công ty liên kết	11.475.000.000	11.475.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(250.000.000)	(250.000.000)
Cộng	11.225.000.000	11.225.000.000

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh bao gồm:

Tên công ty	31/12/2011		01/01/2011	
	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp VND
Công ty liên kết		11.475.000.000		11.475.000.000
Công ty CP Miền Đông Đầu Tư Hạ Tầng	45	9.225.000.000	45	9.225.000.000
Công ty CP Địa Ốc Miền Đông	40	250.000.000	40	250.000.000
Công ty CP Miền Đông Cơ Khí Điện Máy	41	2.000.000.000	41	2.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(250.000.000)		(250.000.000)
Công ty CP Địa Ốc Miền Đông		(250.000.000)		(250.000.000)
Cộng		11.225.000.000		11.225.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty cổ phần phát triển điện lực Việt Nam (*)	45.776.230.000	35.683.567.000
Đầu tư dài hạn khác	-	16.583.495.000
Cộng	45.776.230.000	52.267.062.000

(*) Góp vốn vào Công ty Cổ phần phát triển điện lực Việt Nam với tỷ lệ vốn góp 8% tương đương với 80.000.000.000 đồng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 số vốn góp đã góp 45.776.230.000 đồng.

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công cụ, dụng cụ	4.828.668.797	6.315.447.824
Lợi thế thương mại	71.111.112	154.444.445
Chi phí trả trước dài hạn khác	128.217.600	-
Cộng	5.027.997.509	6.469.892.269

10. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	181.704.000	-
Cộng	181.704.000	-

(*) Tiền ký quỹ cải tạo môi trường liên quan tới việc khai thác đá tại Mô Đá Tân Mỹ, ký quỹ tại Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Dương, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo tiền gửi, khoản ký quỹ này sẽ được hoàn trả sau khi Công ty thực hiện xong nghĩa vụ cải tạo, khôi phục môi trường trong hoạt động khai thác đá.

11. Vay ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	75.995.105.439	95.477.924.860
<i>Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Đồng Nai (a)</i>	26.700.717.500	29.897.090.860
<i>Ngân hàng Công Thương - KCN Biên Hòa (b)</i>	12.107.273.800	14.781.251.000
<i>Ngân hàng HSBC CN Đồng Nai (c)</i>	9.690.000.000	-
<i>Ngân hàng Công Thương - CN 10 (d)</i>	16.944.129.839	40.904.510.000
<i>Ngân hàng NN và PT Nông Thôn - CN11 (e)</i>	9.902.984.300	9.895.073.000
<i>Vay cá nhân (f)</i>	650.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh 15)	8.800.000.000	8.900.000.000
Cộng	84.795.105.439	104.377.924.860

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a): Khoản vay Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng số 11/2010/HĐ ký ngày 19 tháng 07 năm 2011 có hạn mức tín dụng là 35 tỷ đồng, thời hạn vay là 12 tháng, vay để bổ sung vốn lưu động thi công các công trình xây dựng, bảo lãnh thanh toán, mở L/C và bổ sung nhu cầu vốn lưu động lãi suất 17%/năm, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

(b): Khoản vay ngân hàng Công Thương Khu công nghiệp Biên Hòa theo hợp đồng tín dụng số 01/2011-HMMĐ/HĐTD ngày 24/01/2011 có hạn mức vay 30 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 24/01/2011 đến ngày 24/01/2012, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, lãi suất là lãi suất huy động vốn thực tế trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng + biên độ tối thiểu 3%/năm (lãi suất hiện tại 17%/năm), khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

(c): Khoản vay ngân hàng HSBC chi nhánh Đồng Nai theo Thư đề nghị cấp tiện ích chung TK số 006 - 0041154 ký ngày 30 tháng 06 năm 2011, khoản vay dành riêng cho xuất khẩu 10 tỷ đồng, thời hạn tối đa là 180 ngày, tiền lãi trên khoản vay dành riêng cho xuất khẩu sẽ được tính ở mức lãi suất cho vay cơ bản Việt Nam đồng 1 tuần cộng với 2%/năm, ngoài ra khoản vay còn đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động, để đảm bảo cho các tiện ích này, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

(d): Khoản vay ngân hàng Công Thương chi nhánh 10 theo hợp đồng số 10.16.1195/HĐTD ký ngày 21/10/2010 với hạn mức tín dụng 50 tỷ đồng, bao gồm số dư nợ hợp đồng tín dụng số 09.16.1100/HĐTD, thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 21/10/2010 đến ngày 21/10/2011, với mục đích chi trả nhu cầu vốn lưu động, lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm Việt Nam đồng trả lãi sau + biên độ tối thiểu 4%/năm (lãi suất hiện tại là 19%/năm), khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

(e): Khoản vay ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn chi nhánh 11 theo giấy đề nghị gia hạn hợp đồng tín dụng số 6480-LAV- 201100562 ký ngày 30/09/2011, với hạn mức gia hạn là 19 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng từ 30/09/2011, với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ (lãi suất hiện tại là 20%/năm), khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

(f) Vay cá nhân với thời gian vay từ ngày 18/10/2011 tới 31/12/2011, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất khoảng 1,5%/tháng, khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	9.303.796.406	9.347.406.667
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.566.626.995	8.834.340.806
Thuế thu nhập cá nhân	977.250.868	86.544.364
Thuế tài nguyên	290.243.448	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	7.738.421	-
Các loại thuế khác	65.996.280	-
Cộng	18.211.652.418	18.268.291.837

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí phải trả khác	144.909.091	439.797.500
Cộng	144.909.091	439.797.500

14. Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	1.102.037.217	980.393.687
Bảo hiểm y tế và xã hội	176.420.990	-
Phải trả phải nộp khác (*)	12.627.535.368	3.751.848.125
Cộng	13.905.993.575	4.732.241.812

(*) Phải trả phải nộp khác bao gồm tiền cổ tức năm 2010 phải trả cho cổ đông với số tiền là 7.635.321.700 đồng, tiền lãi vay chưa trả với số tiền là 1.114.095.448 đồng, còn lại các khoản phải nộp khác là 3.878.118.220 đồng.

15. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay dài hạn ngân hàng	55.112.555.608	10.700.000.000
Ngân hàng NN và PT Nông Thôn CN 11 (a)	1.800.000.000	10.700.000.000
Ngân hàng Công Thương - CN 10 (b)	53.312.555.608	-
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	8.800.000.000	8.900.000.000
Ngân hàng Công Thương - CN 10 (b)	7.000.000.000	-
Ngân hàng NN và PT Nông Thôn CN 11 (a)	1.800.000.000	8.900.000.000
Cộng	46.312.555.608	1.800.000.000

(a): Khoản vay ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn chi nhánh 11 theo hợp đồng số 075560/HĐTD ngày 19/12/2007 với số tiền vay là 27,228 tỷ đồng, thời hạn vay 61 tháng, từ ngày 25/12/2007 đến ngày 25/01/2013. Tiền vay được sử dụng góp vốn vào dự án nhà máy thủy điện Đăk R'đi, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty, lãi suất áp dụng hiện tại là 20%/năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần.

(b): Khoản vay ngân hàng Công Thương - CN 10 theo hợp đồng tín dụng số 11.09.1024/HĐTD ngày 16/02/2011 với hạn mức vay 105 tỷ đồng, thời hạn vay 84 tháng, mục đích vay là đầu tư khai thác mỏ đá xây dựng Tân Mỹ huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, lãi suất bằng lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu (lãi suất hiện tại là: 20,5%/năm), khoản vay được bao đảm bằng tài sản của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Nguồn vốn kinh doanh	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng	Đơn vị: VND
Số dư đầu năm trước	82.500.000.000	32.624.000.000	5.261.012.528	1.145.579.526	14.907.291.465	136.437.883.519	
Tăng vốn năm trước	16.500.000.000	8.250.000.000	-	-	-	24.750.000.000	
Lợi nhuận của năm trước	-	-	-	-	28.757.401.846	28.757.401.846	
Trích quỹ KGPL	-	-	-	-	(2.230.493.514)	(2.230.493.514)	
Trích các quỹ khác	-	-	7.807.574.034	1.115.246.757	(8.922.820.791)	(2.230.493.514)	
Một phần thu lao HĐQT năm 2009	-	-	-	-	(137.180.896)	(137.180.896)	
Số dư cuối năm trước	99.000.000.000	40.874.000.000	13.068.586.562	2.260.826.283	32.374.198.110	187.577.610.955	
Số dư đầu năm nay	99.000.000.000	40.874.000.000	13.068.586.562	2.260.826.283	32.374.198.110	187.577.610.955	
Tăng vốn trong năm	9.890.310.000	883.121.909	-	-	-	10.773.431.909	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	5.696.092.961	5.696.092.961	
Trích quỹ KGPL	-	-	-	-	(1.246.088.168)	(1.246.088.168)	
Trích các quỹ khác	-	-	5.025.250.909	1.246.088.168	(6.271.339.077)	-	
Thu lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(747.652.900)	(747.652.900)	
Cổ tức năm 2010	-	-	-	-	(20.492.321.700)	(20.492.321.700)	
Số dư cuối năm	108.890.310.000	41.757.121.909	18.093.837.471	3.506.914.451	9.312.889.226	181.561.073.057	

12/10/2011 10:51:11 AM / 12/10/2011 10:51:11 AM / 12/10/2011 10:51:11 AM / 12/10/2011 10:51:11 AM / 12/10/2011 10:51:11 AM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2011	Tỷ lệ	01/01/2011
Vốn thuộc sở hữu của Nhà nước	19%	21.048.430.000	19%	19.134.940.000
Vốn các cổ đông khác	81%	87.841.880.000	81%	79.865.060.000
Cộng	100%	108.890.310.000	100%	99.000.000.000

b) Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	9.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.889.031	9.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.889.031	9.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.889.031	9.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.889.031	9.900.000

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VN	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm gạch	13.006.833.199	16.653.706.419
Doanh thu bán thành phẩm đá	3.175.960.425	-
Doanh thu kinh doanh bất động sản	11.333.006.969	13.382.786.433
Doanh thu hoạt động xây lắp	118.888.195.459	287.385.613.584
Doanh thu khác	187.500.000	-
Hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán	(112.580.446)	(21.532.982)
Cộng	146.478.915.606	317.400.573.454

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán thành phẩm gạch	12.186.822.272	15.808.555.856
Giá vốn bán thành phẩm đá	3.033.680.367	-
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	6.427.446.406	6.923.428.460
Giá vốn hoạt động xây lắp	82.355.156.396	233.335.050.773
Giá vốn khác	150.359.908	-
Cộng	104.003.105.441	256.067.035.089

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	691.892.292	812.350.890
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	-	300.000.000
Thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính khác	707.671.200	1.175.000.000
Thu nhập khác	-	4.300.000
Cộng	1.399.563.492	2.291.650.890

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	17.879.738.088	13.978.027.360
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư dài hạn	2.963.495.000	-
Chi phí tài chính khác	41.317.130	-
Cộng	20.884.550.218	13.978.027.360

5. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý thiết bị, tài sản	129.090.908	581.818.182
Các khoản thu nhập khác	1.002.259.136	1.065.004.663
Cộng	1.131.350.044	1.646.822.845

6. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản	-	649.966.465
Chi phí bồi thường, phạt vi phạm	42.608.996	580.541.918
Chi phí khác	944.952.203	1.037.958.514
Cộng	987.561.199	2.268.466.897

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế. Năm 2011 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán (A) = (B) + (C) + (D)	6.908.338.987	33.838.312.910
Lợi nhuận kế toán từ chuyển quyền sử dụng đất (B)	3.718.496.522	5.853.038.276
Thu nhập chịu thuế (1) = (B)	3.718.496.522	5.853.038.276
Thuế suất thuế TNDN (2)	25%	25%
Thuế TNDN từ chuyển quyền sử dụng đất (3) = (1) x (2)	929.624.131	1.463.259.569
Lợi nhuận kế toán từ hoạt động SXKD (C)	1.646.490.128	26.335.267.796
Các khoản điều chỉnh tăng (4)	82.319.378	4.349.840.040
Các khoản điều chỉnh giảm (5)	2.523.566.813	-
Thu nhập chịu thuế (6) = (C) + (4) + (5)	(794.757.307)	30.685.107.836
Thuế TNDN (7) = (6) x (2)	-	7.671.276.959
Thuế TNDN được miễn (8) = (7) x 50%	-	3.835.638.480
Thuế TNDN phải nộp cho hoạt động SXKD (9) = (7) - (8)	-	1.650.006.838
Lợi nhuận kế toán từ hoạt động khác (D)	1.543.352.337	1.650.006.838
Các khoản điều chỉnh tăng (10)	42.608.973	-
Các khoản điều chỉnh giảm (11)	(707.671.200)	(1.475.000.000)
Thuế TNDN hoạt động khác (12) = [(D) + (10) + (11)] x (2)	219.572.528	43.751.710
Tổng thuế TNDN phải nộp (13) = (3) + (9) + (12)	1.149.196.659	5.342.649.758
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(198.689.327)	(261.738.694)
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp	261.738.694	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.696.092.961	28.757.401.846
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.696.092.961	28.757.401.846
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.647.870	9.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	535	2.905

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	47.515.908.605	111.200.293.673
Chi phí nhân công	31.986.993.875	34.578.534.485
Công cụ dụng cụ	3.697.781.355	3.359.542.050
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.410.975.589	2.581.135.418
Chi phí thuế, phí, lệ phí	1.921.705.101	471.123.394
Chi phí dự phòng	(429.302.440)	589.907.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.600.965.334	39.499.925.030
Chi phí khác bằng tiền	4.465.374.538	3.633.393.853
Chi phí thuê phụ	13.104.216.102	48.853.551.151
Cộng	118.274.618.059	244.767.406.598

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

	Mối quan hệ	Giao dịch	Số tiền
TCT Xây dựng số 1	Cổ đông sáng lập	Bán hàng hóa, dịch vụ Chuyển nhượng cổ phần	2.739.304.599 13.920.000.000
Công ty CP MĐ ĐT Hạ Tầng	Công ty liên kết	Cho mượn tiền	2.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Công ty liên kết	Cho thuê mặt bằng	187.500.000
Công ty CP MĐCK Điện Máy			
Công ty CP Phát triển Điện	Đầu tư dài hạn	Góp vốn	9.684.990.000
Lực Việt Nam		Nhận cổ tức	707.671.200
		Bán hàng hóa, dịch vụ	6.647.943.127
Tổng tiền lương và thưởng của các thành viên lãnh đạo chủ chốt			
		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Thành viên Hội đồng quản trị		438.000.000	-
Ban giám đốc		1.199.557.900	1.304.295.250
Cộng		1.637.557.900	1.304.295.250

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Mối quan hệ	Giao dịch	Số tiền
TCT Xây dựng số 1	Cổ đồng sáng lập	Phải thu	10.807.304.599
Công ty CP Miền Đông Đầu Tư Hạ Tầng	Công ty liên kết	Phải thu	2.000.000.000
		Phải trả	147.276.401
Công ty CP Miền Đông Cơ khí Điện máy	Công ty liên kết	Phải trả	1.662.721.832
Công ty CP Phát triển Điện Lực Việt Nam	Đầu tư dài hạn	Phải thu	568.834.577

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán, và Kế toán Hà Nội kiểm toán. Số liệu đầu năm của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phần lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư bị nhầm dòng nay điều chỉnh lại.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mã số	Số năm 2010 điều chỉnh lại	Số năm 2010 Trên báo cáo	Chênh lệch
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài	21	(23.066.070.431)	(23.066.070.431)	-

hạn khác				
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	581.818.182	581.818.182	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	10.000.000	(10.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000	(7.020.000.000)	7.030.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.020.000.000)	10.000.000	(7.030.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	10.000.000		10.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.116.650.890	1.116.650.890	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(28.367.601.359)	(28.367.601.359)	-

3. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính là xây lắp.

Năm nay	Hoạt động xây lắp	Bất động sản	Khác	Cộng
Doanh thu thuần, bán hàng và cung cấp dịch vụ	135.145.908.637	11.333.006.969	2.530.913.536	149.009.829.142
Chi phí trực tiếp	(97.575.659.035)	(6.427.446.406)	-	(104.003.105.441)
Các chi phí phân bổ	(35.923.759.474)	(1.187.064.041)	(987.561.199)	(38.098.384.714)
Lợi nhuận trước thuế	1.646.490.128	3.718.496.522	1.543.352.337	6.908.338.987
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	(2.441.247.435)	-	(665.062.227)	(3.106.309.662)
Thu nhập chịu thuế	(794.757.307)	3.718.496.522	878.290.110	3.802.029.325
Thuế thu nhập doanh nghiệp		929.624.131	219.572.528	1.149.196.659
Thuế TNDN được miễn	-	-	-	-
Thuế TNDN phải nộp	-	929.624.131	219.572.528	1.149.196.659
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(63.049.367)	-	-	(63.049.367)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.583.440.761	2.788.872.391	1.323.779.809	5.696.092.961

(*) Ghi chú: Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác cũng như giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Tài sản tài chính và nợ tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.125.282.747	30.971.910.286	68.125.282.747	30.971.910.286
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	137.216.373.419	103.223.308.129	137.216.373.419	103.223.308.129
Tài sản sẵn sàng để bán	45.776.230.000	52.267.062.000	45.776.230.000	52.267.062.000
Cộng	251.117.886.166	186.462.280.415	251.117.886.166	186.462.280.415
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	56.989.696.463	61.658.554.513	56.989.696.463	61.658.554.513
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	131.107.661.047	106.177.924.860	131.107.661.047	106.177.924.860
Chi phí phải trả	144.909.091	439.797.500	144.909.091	439.797.500
Các khoản phải trả khác	6.270.671.875	4.732.241.812	6.270.671.875	4.732.241.812
Cộng	194.512.938.476	173.008.518.685	194.512.938.476	173.008.518.685

(*) Giá trị hợp lý của các khoản này được trình bày theo giá trị sổ sách do không đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Mai Xuân Ngợi

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Khóa

Ngày 22 tháng 02 năm 2012

